

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN**

**Số: 47/2026/HĐMB**

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2006 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên;

Hôm nay, ngày 25 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Dabaco, Nam Viên, xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi gồm:

**Chúng tôi gồm:**

**BÊN BÁN (Bên A) : CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**

Địa chỉ : Nam Viên, Xã Tân Chi, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại : 02223724343

Fax: 02223724296

Mã số thuế : 2300345626

Tài khoản : 112629748686

Tại Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Tiên Sơn – Bắc Ninh

Đại diện là (Ông) : **BÀ TÓNG THỊ TÓ LIÊN**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

**BÊN MUA (Bên B) : CÔNG TY CỔ PHẦN BEEFOOD**

Địa chỉ : Số 8 Nguyễn Văn Ngọc, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0818081988

Mã số thuế : 0109826919

Email : beefood.jsc@gmail.com

Đại diện là : **ÔNG PHÙNG VĂN DU** Chức vụ: **Giám Đốc**

Sau khi trao đổi bàn bạc hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản như sau:

## **ĐIỀU 1: PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

- 1.1 Bên B đồng ý để bên A cung cấp: Các sản phẩm chế biến: xúc xích tươi, xúc xích tiết trùng, giò, chả nem, đồ hộp, lạp xường và các sản phẩm khác.
- 1.2 Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho bếp ăn của bên B, với số lượng, chất lượng, quy cách hàng hoá như sau:
- Số lượng, chủng loại: Theo đơn đặt hàng
  - Chất lượng: Đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm.
- 1.3 Bên B thuộc nhóm hàng kênh Horeca của Bên A

## **ĐIỀU 2: GIÁ MUA VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 2.1 Giá mua
- Giá cả được hai bên thống nhất và xác nhận qua email, fax. Khi giá cả thị trường có nhiều thay đổi thì hai bên sẽ thoả thuận và điều chỉnh giá cho phù hợp.
  - Trong trường hợp bên A chủ động tăng giá mà chưa có sự chấp thuận của bên B, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này.
- 2.2 Thời gian gửi báo giá: Bên A sẽ báo giá cho bên B trước 15 ngày khi có thay đổi về giá.
- 2.3 Thời gian thanh toán: Bên B sẽ thanh toán cho bên A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bên B nhận đầy đủ hàng hóa và hóa đơn hợp lệ do bên A cung cấp.
- 2.4 Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.
- 2.5 Tiền thanh toán : Việt Nam đồng (VND)

## **ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN**

- 3.1 Địa điểm giao hàng: Tại kho bên B trong nội thành Hà Nội.
- 3.2 Thời gian đặt hàng: Theo đơn đặt hàng của bên B, đơn hàng sẽ được thông báo với bên A trước 03 ngày đối với hàng bảo quản điều kiện mát và 04 ngày đối với hàng bảo quản điều kiện đông. Bên B có trách nhiệm gửi dự báo số lượng hàng hóa theo tuần cụ thể và thời gian lấy hàng để bên A kịp thời lên kế hoạch sản xuất và giao hàng.
- 3.3 Bên B có trách nhiệm kiểm tra quy cách, chất lượng, kiểm đếm số lượng tại thời điểm giao nhận hàng và ký xác nhận về số lượng hàng giao, nhận. Nếu tại thời điểm giao nhận hai bên phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng chủng loại, quy cách theo yêu cầu thì hai bên sẽ tiến hành lập biên bản xác nhận sự việc. Bên A có trách nhiệm đổi trả nếu Bên A xác nhận do lỗi Bên A và sẽ bổ sung kịp thời mặt hàng còn thiếu để không làm ảnh hưởng đến quá trình phục vụ bữa ăn của bên B.
- 3.4 Bên B có trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm khi giao hàng và phản hồi về chất lượng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận hàng thể hiện trên biên bản giao nhận thực tế. Sau 03 ngày kể từ ngày nhận hàng Bên A sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ phát sinh nào liên quan đến chất lượng và sẽ không chịu trách nhiệm về việc đổi trả bất kỳ hàng hóa nào.

IN. 2300  
CƠ  
CƠ  
CH  
TH  
D  
H. TIỀN

## **ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

### **4.1 Quyền và trách nhiệm của bên B**

- 4.1.1 Có quyền yêu cầu bên A cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan, chứng minh năng lực cung cấp của bên A.
- 4.1.2 Khi các mặt hàng bên A cung cấp có dấu hiệu vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, bên B được quyền từ chối nhận hàng, đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ một khoản phạt hay bồi thường thiệt hại nào.
- 4.1.3 Bên B có trách nhiệm đặt hàng bên A bằng tin nhắn, email hoặc fax trong đó ghi rõ về: số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại sản phẩm theo yêu cầu của Bên B.
- 4.1.4 Bên B có trách nhiệm đảm bảo điều kiện nhiệt độ để đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn nhiệt độ yêu cầu trên bao bì. Đối với các mặt hàng bảo quản mát bên B tuân thủ đúng điều kiện bảo quản, bên A sẽ không chịu trách nhiệm đối với khiếu nại về chất lượng do bên B tự bảo quản mát sang đông.

### **4.2 Quyền và trách nhiệm của bên A**

- 4.2.1 Cung cấp các giấy tờ liên quan chứng minh năng lực, nguồn gốc, chất lượng hàng hoá của bên A theo yêu cầu của bên B.
- 4.2.2 Cung cấp hàng đầy đủ về chủng loại, số lượng, chất lượng, đúng thời gian theo yêu cầu của bên B.
- 4.2.3 Bên A cam kết hàng hoá sạch, đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.
- 4.2.4 Không được sử dụng bất kỳ phụ gia, hoá chất chưa đăng ký, kiểm nghiệm hoặc chưa được phép của các cơ quan chức năng để bảo quản hàng hoá.
- 4.2.5 Bên A chịu trách nhiệm bồi thường nếu bên B chứng minh được nguồn gốc có chứng thực của cơ quan chức năng bằng các văn bản giấy tờ xác nhận gây ngộ độc từ sản phẩm do bên A cung cấp..
- 4.2.6 Bên A có trách nhiệm bảo mật tuyệt đối mọi thông tin liên quan đến Bên B.

## **ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 5.1. Hai bên cam kết cùng nhau phối hợp chặt chẽ để thực hiện đúng những thỏa thuận trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Mọi sự thay đổi trong hợp đồng phải được lập thành phụ lục và được hai bên ký kết xác nhận.
- 5.2. Trường hợp các bên không giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ đưa ra tòa án kinh tế thành phố Hà Nội. Phán quyết của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng và bắt buộc đối với hai bên. Án phí sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm chi trả.

## **ĐIỀU 6: CÁC VĂN BẢN CỦA HỢP ĐỒNG**

Những văn bản sau là một phần không tách rời hợp đồng:

- 6.1. Thông tin của bên A. Biên Bản cam kết, các giấy tờ liên quan đến pháp nhân của bên A và các giấy tờ về chất lượng sản phẩm mặt hàng được cung cấp từ bên A.



Được quét bằng CamScanner

6.2. Các giấy tờ giao dịch giữa các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

## ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

7.1. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày ký.

7.2. Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không có ý kiến gì thay đổi thì hợp đồng này được tự động gia hạn trong thời gian tiếp theo và hợp đồng tự động thanh lý khi hai bên không phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa.

7.3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên B giữ 01 bản, bên A giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
**Tông Thị To Liên**



GIÁM ĐỐC  
**Phùng Văn Du**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 2300345626**

*Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 09 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 09 tháng 10 năm 2020*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DABACO FOOD PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DBC FOOD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Nam Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Điện thoại: 02223.724343

Fax: 02223.724296

Email: [dbcfood@dbcfood.com](mailto:dbcfood@dbcfood.com)

Website: [www.dbcfood.com](http://www.dbcfood.com)

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 230.000.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 23.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: TÔNG THỊ TỎ LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033179000612

Ngày cấp: 10/08/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2 Ngách 189/1 đường Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2 Ngách 189/1 đường Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



**TRƯỞNG PHÒNG**

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
VŨ VĂN CƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**CERTIFICATE**  
**OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS**

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TỈNH BẮC NINH**  
**CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION**

*Cơ sở/ Establishment:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**

*Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number:* 2300345626

*Địa chỉ/Address:* Nam Viên, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

*Điện thoại/ Tel:* 02223.724.343      *Email:* chat.vt@dbcfood.vn

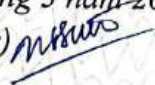
**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:**  
*Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:*

**Sản xuất:**

- Sản phẩm chế biến từ thịt, các sản phẩm phối chế từ thịt;
- Sản phẩm chế biến từ thủy hải sản;
- Sơ chế, đóng gói, bảo quản các loại thịt;
- Sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột;

*Số cấp/ Number:* 63/2025/BQLATTP-BN      Bắc Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2025

*Có hiệu lực đến ngày 12 tháng 5 năm 2028.*

*Valid until (date/month/year)* 

**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bùi Văn Lanh**

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn ISO 22000:2018

#### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

- Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-LHHVN ngày 19/12/2017 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận Chất lượng TQC;
- Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-LHHVN ngày 08/03/2023 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc đổi tên Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận Chất lượng TQC thành Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-LHHVN ngày 08/03/2023 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số A-1861 ngày 28/03/2023 của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận số 926/TĐC-HCHQ ngày 05/04/2023 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Báo cáo thẩm xét hồ sơ đánh giá chứng nhận ngày 30/10/2023;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận số **TQC.03.1733.1** ngày 31 tháng 10 năm 2023, chứng nhận cho **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**:

Địa chỉ và địa điểm sản xuất: Nam Viên, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Có Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp với tiêu chuẩn **ISO 22000:2018**, với phạm vi chứng nhận:

- **Giết mổ gia cầm.**
- **Chế biến các sản phẩm đóng túi, đóng hộp từ thịt.**
- **Chế biến các sản phẩm từ cá, mực (giò, chả).**

**Điều 2.** **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO** được phép sử dụng Giấy chứng nhận và dấu phù hợp Tiêu chuẩn theo quy định của Trung tâm kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực **03 năm** kể từ ngày ký. Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO** được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ không quá 12 tháng/lần, tương ứng tối thiểu 02 lần đánh giá giám sát trong 03 năm giấy chứng nhận có hiệu lực.

**Nơi nhận:**

- Như điều 1;
- Lưu VT.

**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM  
VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL**



**GIÁM ĐỐC**

*Lã Thanh Cường*

Page 1/1

# GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO

Địa chỉ và địa điểm sản xuất: Nam Viên, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế:

## ISO 22000:2018

Cho lĩnh vực:

- Giết mổ gia cầm.
- Chế biến các sản phẩm đóng túi, đóng hộp từ thịt.
- Chế biến các sản phẩm từ cá, mực (giò, chả).

(Mã lĩnh vực/Food code: CI, CIII, CIV)

Số Giấy chứng nhận : TQC.03.1733.1

Hiệu lực của chứng nhận : Từ 31/10/2023 đến 30/10/2026

Từ ngày 31/10/2024, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Ngày ký : 31/10/2023

Quét mã truy  
xuất chứng chỉ



TQC.03.1733.1

Dấu chứng nhận



TQC CERTIFICATE No.  
TQC.1733

Dấu công nhận



VICAS 063-FSMS



IAF - MLA

GIÁM ĐỐC



Lê Mạnh Cường

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Văn phòng cấp chứng chỉ: Tòa nhà số 51, ngõ 140/1 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: [certify@tqc.vn](mailto:certify@tqc.vn); Website: <http://tqc.vn>

# CERTIFICATE



Certify that the food safety management system of

## DABACO FOOD PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

**Address and manufacturing location:** Nam Vien hamlet, Lac Ve commune, Tien Du district, Bac Ninh province, Vietnam.

Has been assessed and found to be in conformance with the requirements set forth by:

### ISO 22000:2018

**For the following activities:**

- Poultry slaughter.
  - Processing bagged and canned meat products.
  - Processing products from fish and squid (lean pork pie, grilled chopped meat).
- (Food code/Category code: CI, CIII, CIV)

**Certificate no** : TQC.03.1733.1

**The validity of certificate** : From 31/10/2023 to 30/10/2026

From October 31, 2024, this Certificate is valid if there is an announce of the results of surveillance audit to maintain validity of TQC CGLOBAL attached (within 03 years of surveillance and maintaining its validity 02 times).

**Signed date** : 31/10/2023

**Retrieval  
information code**



TQC.03.1733.1

**Certification mark**



TQC CERTIFICATE No.  
TQC.1733

**Accreditation mark**



VICAS 063-FSMS



IAF - MLA

**DIRECTOR**



La Manh Cuong

VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS - TQC CGLOBAL CENTER FOR TESTING AND CERTIFICATION

Verify certificate validity at: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Certificate issuing Office: Building no. 51, Lane 140/1 Nguyen Xien Street, Ha Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi city, Vietnam.

Hotline Ha Noi: +84969416668, Da Nang: +84968799816, Ho Chi Minh: +84988397156; Email: [certify@tqc.vn](mailto:certify@tqc.vn); Website: <http://tqc.vn>



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**

**Địa chỉ và địa điểm sản xuất:** Nam Viên, xã Lạc Vệ,  
huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

*Quý khách hàng: ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG  
QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN BÊN DƯỚI  
THEO QUY ĐỊNH CỦA TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN  
TQC CGLOBAL (SAU ĐÂY GỌI TẮT LÀ TQC CGLOBAL)*

| Lựa chọn 1                                                                                                                                            | Lựa chọn 2                                                                                                           | Lựa chọn 3                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                      |                                    |                                                                                                                                                                        |
| <i>Dấu hợp chuẩn<br/>nhỏ gọn, kèm logo của<br/>Tổ chức chứng nhận.<br/>Phù hợp với các tài liệu<br/>quảng cáo có diện tích<br/>trình bày hạn chế.</i> | <i>Dấu hợp chuẩn có đầy đủ logo và tên của<br/>Tổ chức chứng nhận để khách hàng và đối tác<br/>dễ dàng nhận diện</i> | <i>Dấu hợp chuẩn, kèm logo của<br/>Tổ chức công nhận - Văn phòng<br/>công nhận chất lượng (BoA)<br/>Bộ Khoa học và Công nghệ. Phù hợp<br/>với các tài liệu quảng cáo hướng tới<br/>thị trường quốc tế và thể hiện<br/>trên Website của quý khách hàng</i> |

**Ghi chú:**

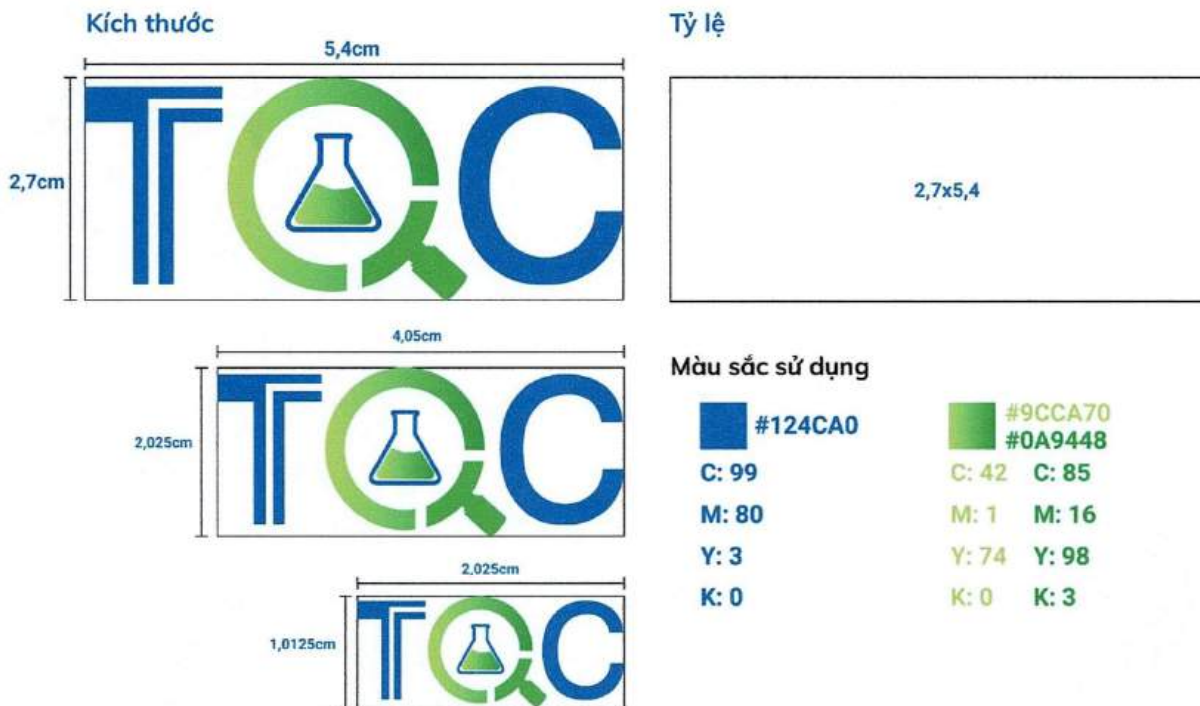
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO được sử dụng dấu chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm nêu trên và chịu sự đánh giá giám sát định kỳ không quá 12 tháng/lần, tương ứng tối thiểu 02 lần đánh giá giám sát trong 03 năm giấy chứng nhận có hiệu lực.

Tùy theo nhu cầu sử dụng phục vụ hoạt động nội bộ hoặc hoạt động quảng bá thương hiệu mà khách hàng có thể sử dụng Lựa chọn 1 hoặc Lựa chọn 2 hoặc Lựa chọn 3, tuy nhiên cần tuân thủ các yêu cầu dưới đây, trường hợp TQC CGLOBAL phát hiện các yêu cầu dưới đây không được đáp ứng, thì đó sẽ được coi là căn cứ để TQC CGLOBAL đưa ra quyết định liên quan đến hiệu lực Giấy chứng nhận của Quý khách hàng.

- Dấu chứng nhận hợp chuẩn được trình bày trực tiếp trên các tài liệu kỹ thuật kèm theo để tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu giới thiệu, tài liệu giao dịch thương mại của Khách hàng (chương trình quảng cáo, thư).
- Không** sử dụng dấu chứng nhận hệ thống quản lý trên sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm hay bất kỳ cách nào khác có thể hiểu theo nghĩa là phù hợp với sản phẩm.

- c) Các tuyên bố của quý khách hàng sử dụng trên bao bì sản phẩm không được hàm ý rằng sản phẩm, quá trình, dịch vụ là đối tượng được chứng nhận.
- d) Dấu hợp chuẩn có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ và nhận biết được bằng mắt thường.
- e) Dấu chứng nhận hợp chuẩn phải có màu sắc đúng với màu đã cấp hoặc thể hiện cùng một màu.
- f) Kích thước và hình dạng của logo TQC CGLOBAL theo Phụ lục 1 kèm theo. 

**PHỤ LỤC 1: HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA LOGO TQC CGLOBAL**



TQC CGlobal Center for Testing and Certification  
 Trung Tâm Kiểm Nghiệm Và Chứng Nhận TQC CGLOBAL

MULISH

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM



**TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**  
**TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN THỦ Y DABACO**  
Cụm CN Khắc Niệm – TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: 0222.3717.358, Fax 0222.3717.359  
Website: www.dabaco.com.vn

Ngày nhận mẫu  
30/07/2026  
Ngày trả kết quả  
11/08/2026

### PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                                                                                                                         |                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Nhân viên xét nghiệm: Mrs Luyen<br>Test by                                                                              | Gửi kết quả đến: Bà Tổng Thị Tố Liên – Tổng Giám đốc<br>Report to      |
| 1. Mã số mẫu: BL 262182<br>Lab code                                                                                     | 6. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần chế biến thực phẩm DABACO              |
| 2. Loại mẫu: Nước<br>Sample                                                                                             | 7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong dụng cụ chuyên dụng.                      |
| 3. Số lượng mẫu: 2<br>No.sample                                                                                         | 8. Người nhận mẫu: Ms Nguyệt<br>Sample description                     |
| 4. Thông tin mẫu: Mẫu nước<br>Sample receiver                                                                           | 9. Yêu cầu xét nghiệm: Kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh, Phân tích lý hoá |
| 5. Phương pháp xét nghiệm: Nuôi cấy thường quy phòng thí nghiệm, Phân tích các chỉ tiêu lý hoá theo TCVN<br>Test method | 10. Thời gian thử nghiệm: 30/07-11/8/2026<br>Testing duration          |

### KẾT QUẢ

(Chi tiết xem phụ lục đính kèm)

#### \* Kết luận:

- Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh, Phân tích các chỉ tiêu lý hoá theo bảng đính kèm

TP XÉT NGHIỆM

Phạm Thị Hoà



#### Lưu ý:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị với mẫu do khách hàng gửi, mọi thông tin về kết quả XN đều được giữ bí mật, không phát tán thông tin ra ngoài.  
Chỉ tiêu \* là chỉ tiêu được công nhận theo chuẩn ISO 17025: 2017  
Thời gian lưu mẫu: 07 ngày kể từ ngày trả lời kết quả

# PHỤ LỤC: BẢNG KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

(Kèm theo phiếu BL 262182)

| STT | Chỉ tiêu XN                     | PP XN               | Đơn vị tính | Kết quả xét nghiệm  |                     | QCVN01-1:2024/BYT          |
|-----|---------------------------------|---------------------|-------------|---------------------|---------------------|----------------------------|
|     |                                 |                     |             | Nước đá vảy         | Nước sản xuất       |                            |
| 1   | Coliforms                       | TCVN 6848:2007      | cfu/ml      | 4,5x10 <sup>2</sup> | < 10 CFU/ml         |                            |
| 2   | E.coli                          | TCVN 7924-2:2005    | cfu/ml      | < 10 CFU/ml         | < 10 CFU/ml         |                            |
| 3   | Tổng vi sinh vật hiếu khí*      | TCVN 4884:2005      | cfu/ml      |                     | 2,5x10 <sup>3</sup> | <10 <sup>4</sup> -(Cfu/ml) |
| 4   | Vi khuẩn Staphylococcus aureus  | Nuôi cấy thường quy |             |                     | Ấm tính             |                            |
| 5   | Vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa | Nuôi cấy thường quy |             |                     | Ấm tính             |                            |
| 6   | Vi khuẩn gây bệnh khác          | Nuôi cấy thường quy |             |                     | Ấm tính             |                            |
| 7   | pH                              | V00.20/DBC Lab/2019 |             |                     | 7,39                | 6,5 – 8,5                  |
| 8   | Mùi vị                          | Cảm quan            |             | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ            |
| 9   | Màu sắc                         | V00.40/DBC Lab/2019 | TCU         | 2,06                | 0                   | 15                         |
| 10  | Mangan tổng                     | V00.22/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | KPH                 | 0,1                        |
| 11  | Sắt tổng                        | V00.29/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | 0,05                | 0,3                        |
| 12  | Chi                             | V00.35/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | 0,0003              | 0,01                       |
| 13  | Cadimi                          | V00.35/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | KPH                 | 0,003                      |
| 14  | Asen*                           | V00.33/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | 0,001               | 0,01                       |
| 15  | Độ cứng                         | V00.27/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | 70,4                | 300                        |
| 16  | Sulphat                         | V00.30/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | 6,35                | 250                        |
| 17  | Selen                           | V00.36/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | KPH                 | 0,04                       |
| 18  | Pecmanganat                     | V00.23/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | 0,64                | 2                          |
| 19  | Đồng tổng                       | V00.35/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | 0,049               | 1                          |
| 20  | Kẽm                             | V00.35/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | KPH                 | 2                          |
| 21  | Amoni                           | V00.24/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | KPH                 | 1                          |
| 22  | Nitrit (NO2)                    | V00.25/DBC Lab/2019 | mg/l        |                     | KPH                 | 0,9                        |



CÔNG TY CP CBTP  
DABACO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 02/2025/XNTHTKTATTP-DABACO

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm.

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-BNN-QLCL ngày 08 tháng 03 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số 381/QĐ-QLCL ngày 12 tháng 09 năm 2014 của Cục trưởng cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản về việc ban hành tài liệu tập huấn và bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

Tên Cơ sở: Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco.

Địa chỉ: Nam Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2300345626, cấp ngày: 04/09/2008. nơi cấp: Sở KH và đầu tư tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: .02223724343-342

Fax: 02223724296.

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày 16/05/2025 theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 05 năm 2025

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Tống Thị Tố Liên

**DANH SÁCH XÁC NHẬN CÔNG NHÂN VIÊN TẬP HUẤN KIẾN THỨC  
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM T5. 2025  
Số: 02//2025/XNTHKTATTP-DABACO**

| STT | HỌ VÀ TÊN             | Phòng ban  | NAM | NỮ | Năm sinh   | CCCD         | Ngày/tháng/năm cấp | Nơi cấp      | Ký tên |
|-----|-----------------------|------------|-----|----|------------|--------------|--------------------|--------------|--------|
| 1   | Nguyễn Thị Hiền       | QA         |     | X  | 3/26/1994  | 627188004044 | 27/4/2021          | CA Bắc Ninh  | Hiền   |
| 2   | Hoàng Thị Hương       | QA         |     | X  | 6/10/1985  | 024185017974 | 05.09.2021         | CA Bắc Giang | Hương  |
| 3   | Nguyễn Thị Huyền      | QA         |     | X  | 11/3/1988  | 627188004044 | 27/4/2021          | CA Bắc Ninh  | Huyền  |
| 4   | Vương Thị Phương Minh | Thủ kho NL |     | X  | 20/6/1984  | 027184005666 | 27/04/2021         | CA Bắc Ninh  | Minh   |
| 5   | Vương Công Vinh       | CN kho NL  | X   |    | 26/11/1993 | 027093011184 | 3/7/2023           | CA Bắc Ninh  | Vinh   |
| 6   | Lê Đức Huân           | CN kho NL  | X   |    | 1975       | 027075002261 | 25/04/21           | CA Bắc Ninh  | Huân   |
| 7   | Chu Thị Sen           | Thủ kho TP |     | X  | 11/11/1989 | 027189003197 | 4/16/2021          | CA Bắc Ninh  | Sen    |
| 8   | Phan Văn Chiến        | CN kho TP  | X   |    | 10/26/2000 | 027200000716 | 3/30/2021          | CA Bắc Ninh  | Chiến  |
| 9   | Nguyễn Tuấn Đạt       | CN kho TP  | X   |    | 07/05/1976 | 027076002324 | 4/25/2021          | CS QLHC      | Dat    |
| 10  | Đỗ Thị Thanh          | Thủ kho GV |     | X  | 8/12/1992  | 027192012128 | 5/5/2021           | CA Bắc Ninh  | Thanh  |
| 11  | Ngô Thị Thanh         | CN kho GV  |     | X  | 7/5/1987   | 027187005200 | 4/27/2021          | CA Bắc Ninh  | Thanh  |
| 12  | Tổng Thị Hoa          | CN kho GV  |     | X  | 2/21/1983  | 037183009494 | 7/5/2021           | CA Bắc Ninh  | Hoa    |
| 13  | Nghiêm Phú Phi        | TP cơ điện | X   |    | 10/22/1983 | 024083005776 | 4/19/2022          | CA Bắc Giang | Phi    |
| 14  | Đường Tuấn Phương     | NV CĐ      | X   |    | 10/29/1981 | 027081004276 | 3/14/2023          | CA Bắc Ninh  | Phương |
| 15  | Vũ Quang Hòa          | NV CĐ      | X   |    | 9/4/1985   | 027085013701 | 5/7/2021           | CA Bắc Ninh  | Hòa    |
| 16  | Nguyễn Thị Sợi        | CN VS CN   |     | X  | 30/12/1976 | 27176004407  | 4/27/2021          | CS QLHC      | Sợi    |
| 17  | Phạm Thị Thuyết       | CN VS CN   |     | X  | 8/15/1963  | 027163003119 | 4/28/2021          | CA Bắc Ninh  | Thuyết |
| 18  | Nguyễn Thị Minh       | TT CB      |     | X  | 6/20/1978  | 027178005691 | 14/10/2022         | CA Bắc Ninh  | Minh   |
| 19  | Lê Xuân Hồng          | CN         | X   |    | 10/15/1979 | 027079011647 | 30/10/2023         | CA Bắc Ninh  | Hồng   |

| STT | HỌ VÀ TÊN           | Phòng ban | NAM | NỮ | Năm sinh   | CCCD         | Ngày/tháng/năm cấp | Nơi cấp       | Ký tên |
|-----|---------------------|-----------|-----|----|------------|--------------|--------------------|---------------|--------|
| 20  | Lưu Xuân Công       | CN        | X   |    | 6/2/1980   | 027080001997 | 25/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Công   |
| 21  | Vũ Văn Thuận        | CN        | X   |    | 3/10/1981  | 027081013278 | 20/08/2021         | CA Bắc Ninh   | Thuận  |
| 22  | Lê Thị Hậu          | CN        |     | X  | 11/1/1984  | 027184005961 | 29/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Hậu    |
| 23  | Lê Kiều Nương       | CN        |     | X  | 7/3/1980   | 082180001950 | 25/04/2021         | CA Tiền Giang | Nương  |
| 24  | Vũ Thị Ngân         | CN        |     | X  | 12/23/1986 | 027186005233 | 29/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Ngân   |
| 25  | Lộc Long Giang      | CN        | X   |    | 4/8/1993   | 008093004263 | 08/11/2022         | CA TQ         | Giang  |
| 26  | Vũ Văn Long         | CN        | X   |    | 10/23/1993 | 027093003704 | 27/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Long   |
| 27  | Lộc Thị Hương       | CN        |     | X  | 09/04/1982 | 020182002776 | 27/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Hương  |
| 28  | Nguyễn Thị Xuân     | CN        |     | X  | 9/2/1980   | 027180004081 | 27/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Xuân   |
| 29  | Nguyễn Quang Khương | CN        |     | X  | 6/20/1994  | 027094003176 | 28/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Khương |
| 30  | Nguyễn Thị Tuyền    | CN        |     | X  | 8/8/1988   | 027188004907 | 27/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Tuyền  |
| 31  | Bùi Hương Nhài      | CN        |     | X  | 5/3/1981   | 030181010332 | 4/28/2021          | CA Bắc Ninh   | Nhài   |
| 32  | Trình Thị Vang      | CN        |     | X  | 8/10/1983  | 027183005279 | 28/4/2021          | CA Bắc Ninh   | Vang   |
| 33  | Nguyễn Thị Loan     | CN        |     | X  | 6/8/1977   | 027177004470 | 5/1/2021           | CA Bắc Ninh   | Loan   |
| 34  | Nguyễn Thị Thanh    | CN        |     | X  | 2/15/1988  | 027188004679 | 4/28/2021          | CS QLHC       | Thanh  |
| 35  | Ngô Thị Xuân        | CN        |     | X  | 06/07/1969 | 027169003871 | 6/11/2023          | CA Bắc Ninh   | Xuân   |
| 36  | Nguyễn Thị Mai      | CN        |     | X  | 10/20/1981 | 027181010133 | 5/9/2021           | CA Bắc Ninh   | Mai    |
| 37  | Nguyễn Thanh Bình   | CN        | X   |    | 17/2/1995  | 27095002888  | 27/4/2021          | CA Bắc Ninh   | Bình   |
| 38  | Phạm Thị Tâm        | TT ĐG     |     | X  | 4/10/1974  | 027174010430 | 10/5/2021          | CA Bắc Ninh   | Tâm    |
| 39  | Lê Thị Nguyệt       | CN        |     | X  | 5/2/1981   | 027181001702 | 10/4/2021          | CA Bắc Ninh   | Nguyệt |
| 40  | Vũ Thị Nguyễn       | CN        |     | X  | 4/5/1988   | 027188004906 | 27/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Nguyễn |
| 41  | Nguyễn Thị Ngân     | CN        |     | X  | 4/9/1984   | 027184005554 | 27/04/2021         | CA Bắc Ninh   | Ngân   |



**DANH SÁCH XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC  
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM T5. 2025**  
Số: 02//2025/XNTHKTATTP-DABACO

| STT | HỌ VÀ TÊN        | Phòng<br>ban | NAM | NỮ | Năm sinh   | CCCD         | Ngày/tháng/<br>năm cấp | Nơi cấp                         | Kết quả | Ký tên                                                                              |
|-----|------------------|--------------|-----|----|------------|--------------|------------------------|---------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tổng Thị Tổ Liên | TGD          |     | X  | 10/06/1979 | 033179000612 | 06/03/2023             | Cục cảnh sát về<br>QLHC về TTXH | Đạt     |  |

*Bắc Ninh, ngày 17 tháng 05 năm 2025*

**CHỦ SỞ XÁC NHẬN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Tổng Thị Tổ Liên**

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ NĂM 2026

ĐƠN VỊ KHÁM: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO

SỐ LƯỢNG KHÁM: 62 NGƯỜI

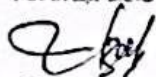
| STT | Họ tên                | Giới tính | Năm sinh   | Chiều cao | Cân nặng | Mạch | Huyết áp | Khám Nội    | Khám Ngoại                | Khám RHM                       | Khám TMH    | Khám Mắt            | Khám Da Liễu | Khám phụ khoa | Khám lâm sàng vú | HAV     | HEV     | Ma túy 5 chẩn | Nuôi cấy phân | Nước tiểu | Xq tim phổi | Kết luận                                               | Phân loại | Tư vấn                                                                                                                                                                                  |
|-----|-----------------------|-----------|------------|-----------|----------|------|----------|-------------|---------------------------|--------------------------------|-------------|---------------------|--------------|---------------|------------------|---------|---------|---------------|---------------|-----------|-------------|--------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |           |            | 62        | 62       | 62   | 62       | 62          | 62                        | 62                             | 62          | 62                  | 62           | 41            | 41               | 62      | 62      | 22            | 62            | 62        | 62          | 62                                                     | 62        | 62                                                                                                                                                                                      |
| 1   | TÔNG THỊ TỎ LIÊN      | Nữ        | 10/06/1979 | 155       | 50       | 81   | 110/70   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                    | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ | Bình thường  | Dé mó 1 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ/ Dé mó 1 lần                       | II        | Bạn nên hạn chế dùng điện thoại và máy tính, nhỏ nước mắt nhân tạo để tránh bị khô Mắt                                                                                                  |
| 2   | NGUYỄN THỊ THUY NGÀ   | Nữ        | 02/11/1978 | 153       | 48       | 80   | 120/80   | Bình thường | Tiền sử mổ viêm ruột thừa | Bình thường                    | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Thở lực/ Tiền sử mổ viêm ruột thừa                     | II        | Bạn nên tái khám bác sĩ chuyên khoa nếu vết mổ cũ có bất thường                                                                                                                         |
| 3   | NGUYỄN THỊ HUƠNG      | Nữ        | 22/07/1987 | 154       | 53       | 75   | 100/80   | Bình thường | Bình thường               | Răng 12,22 mọc ngoài cung răng | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Răng 12,22 mọc ngoài cung răng/ Thở lực                | II        | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                           |
| 4   | VŨ THỊ LAN            | Nữ        | 10/11/1973 | 160       | 60       | 68   | 120/70   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                    | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ                                    | II        | Bạn nên hạn chế dùng điện thoại và máy tính, nhỏ nước mắt nhân tạo để tránh bị khô Mắt                                                                                                  |
| 5   | ĐỖ TẤT LƯỢNG          | Nam       | 20/08/1991 | 170       | 70       | 79   | 130/80   | Bình thường | Bình thường               | Chấn răng 37                   | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Chấn răng 37                                           | II        | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                           |
| 6   | NGUYỄN ĐĂNG TẮC       | Nam       | 15/07/1980 | 168       | 70       | 78   | 130/90   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                    | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                                                                                  |
| 7   | TRẦN ĐỨC CHÍ          | Nam       | 25/10/1975 | 165       | 71       | 96   | 160/100  | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                    | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Tăng huyết áp                                          | III       | Bạn nên nghỉ ngơi đo lại huyết áp                                                                                                                                                       |
| 8   | NGUYỄN VĂN CANH       | Nam       | 22/10/1988 | 169       | 52       | 88   | 110/80   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                    | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                                                                                  |
| 9   | VŨ VĂN TÀI            | Nam       | 29/09/1969 | 171       | 70       | 74   | 160/100  | Bình thường | Bình thường               | Mòn lớp men răng 17            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Mòn lớp men răng 17                                    | II        | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                           |
| 10  | BÙI THỊ HANH          | Nữ        | 12/10/1986 | 156       | 51       | 75   | 110/70   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 14,15,17,44,45        | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Dé mó 2 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Sâu răng 14,15,17,44,45/ Dé mó 2 lần                   | III       | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                           |
| 11  | ĐỖ THỊ NGÀ            | Nữ        | 03/10/1987 | 167       | 58       | 73   | 130/80   | Bình thường | Bình thường               | Khe thưa răng 11-21            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Khe thưa răng 11-21                                    | II        | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                           |
| 12  | VŨ THỊ THANH TRĂNG    | Nữ        | 20/01/1995 | 153       | 46       | 77   | 120/80   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 47                    | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Sâu răng 47/ Hai mắt tật khúc xạ/ Thở lực              | II        | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý/ Hạn chế thức ăn nhiều mỡ và nổi tảng động vật, tăng cường ăn rau xanh và uống nhiều nước |
| 13  | NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG | Nữ        | 20/12/2002 | 158       | 53       | 65   | 110/60   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                    | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                                                                                  |
| 14  | NGUYỄN THUY HƯƠNG     | Nữ        | 26/05/1990 | 165       | 59       | 81   | 110/70   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 36,37,46              | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Dé mó 3 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Dé mó 3 lần/ Sâu răng 36,37,46                         | III       | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                           |
| 15  | NGUYỄN THỊ HUỆ        | Nữ        | 24/06/1988 | 153       | 45       | 83   | 110/70   | Bình thường | Bình thường               | Hở nhẹ 2 hàm                   | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Dé mó 2 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Thở lực/ Dé mó 2 lần/ Hở nhẹ 2 hàm                     | II        | Bạn nên tái khám bác sĩ chuyên khoa nếu vết mổ cũ có bất thường                                                                                                                         |
| 16  | NGUYỄN THỊ HUỲNH      | Nữ        | 21/03/1988 | 147       | 48       | 90   | 120/80   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 36                    | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Mổ đẻ 2 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Blo 3+    | Bình thường | Thở lực/ Mổ đẻ 2 lần/ Sâu răng 36/ Hồng cầu niệu       | III       | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                           |
| 17  | HOÀNG THỊ HUƠNG       | Nữ        | 10/06/1985 | 150       | 53       | 73   | 130/70   | Bình thường | Bình thường               | Mất răng 45                    | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Dé mó 1 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Mất răng 45/ Dé mó 1 lần/ Thở lực                      | III       | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                           |
| 18  | NGUYỄN THỊ HIỀN       | Nữ        | 26/03/1994 | 149       | 49       | 79   | 120/70   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 47                    | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ | Bình thường  | Dé mó 2 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Thở lực/ Sâu răng 47/ Hai mắt tật khúc xạ/ Dé mó 2 lần | III       | Bạn nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý/ Hạn chế dùng điện thoại và máy tính, nhỏ nước mắt nhân tạo để tránh bị khô Mắt           |

| STT | Họ tên               | Giới tính | Năm sinh   | Chiều cao | Cân nặng | Mạch | Huyết áp | Khám Nội    | Khám Ngoại                | Khám RHM                               | Khám TMH    | Khám Mắt            | Khám Da Liễu | Khám phụ khoa                 | Khám lâm sàng vú | HAV     | HEV     | Mã tỷ lệ 5 chân | Nuôi cấy phân | Nước tiểu         | Xq tìm phổi | Kết luận                                                                       | Phân loại | Tư vấn                                                                                                                                                                        |
|-----|----------------------|-----------|------------|-----------|----------|------|----------|-------------|---------------------------|----------------------------------------|-------------|---------------------|--------------|-------------------------------|------------------|---------|---------|-----------------|---------------|-------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19  | CHU THỊ SEN          | Nữ        | 11/11/1989 | 164       | 59       | 84   | 100/70   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                            | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ | Bình thường  | Bình thường                   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ                                                            | II        | Ban nên hạn chế dùng điện thoại và máy tính, nhỏ nước mắt nhân tạo để tránh bị khô Mắt                                                                                        |
| 20  | VŨ DINH TƯ           | Nam       | 28/05/1974 | 170       | 72       | 80   | 170/90   | Bình thường | Bình thường               | Mòn lớp men răng                       | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Tăng huyết áp/ Mòn lớp men răng                                                | III       | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý/ Nghi ngờ 15p đo lại huyết áp                                                   |
| 21  | LÊ THỊ TÚ            | Nữ        | 15/10/1982 | 163       | 59       | 80   | 110/70   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường                   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Bình thường                                                                    | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                                                                        |
| 22  | NGUYỄN THỊ VĂN ANH   | Nữ        | 06/11/1996 | 158       | 48       | 79   | 120/80   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 37                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường                   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Sâu răng 37                                                                    | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 23  | NGUYỄN THỊ LAN       | Nữ        | 01/05/1993 | 157       | 54       | 82   | 110/60   | Bình thường | Bình thường               | Mất răng 36,46                         | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ | Bình thường  | Dé mở 1 lần                   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Mất răng 36,46/ Mổ đẻ 1 lần/ Hai mắt tật khúc xạ                               | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý/ Hạn chế dùng điện thoại và máy tính, nhỏ nước mắt nhân tạo để tránh bị khô Mắt |
| 24  | NGÔ THỊ THANH        | Nữ        | 05/07/1987 | 160       | 64       | 77   | 120/70   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường                   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Bình thường                                                                    | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                                                                        |
| 25  | VƯƠNG T. PHƯƠNG MINH | Nữ        | 20/06/1984 | 155       | 54       | 81   | 120/80   | Bình thường | Tiền sử mô viêm ruột thừa | Mòn mặt nhai răng hàm                  | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường                   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Blo.3+:<br>Leu.3+ | Bình thường | Tiền sử mô viêm ruột thừa/ Mòn mặt nhai răng hàm/ Hồng cầu niệu/ Bạch cầu niệu | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 26  | LÊ ĐỨC HUÂN          | Nam       | 05/05/1975 | 170       | 69       | 82   | 120/80   | Bình thường | Tiền sử mô cắt trĩ        | Mòn mặt nhai răng hàm                  | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Tiền sử mô cắt trĩ/ Mòn mặt nhai răng hàm                                      | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 27  | VƯƠNG BÁ VINH        | Nam       | 26/11/1993 | 168       | 65       | 86   | 130/80   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 47                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Sâu răng 47                                                                    | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 28  | NGHIÊM PHÚ PHIE      | Nam       | 22/10/1983 | 169       | 75       | 71   | 130/80   | Bình thường | Tiền sử mô viêm ruột thừa | Bình thường                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Tiền sử mô viêm ruột thừa                                                      | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 29  | NGUYỄN KIẾN OAI      | Nam       | 20/07/1975 | 170       | 71       | 87   | 120/80   | Bình thường | Bình thường               | Khe thưa răng 11-21; Sâu răng 47       | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Khe thưa răng 11-21; Sâu răng 47                                               | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 30  | NGUYỄN GIA HOANG     | Nam       | 28/04/1989 | 165       | 70       | 79   | 130/80   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Bình thường                                                                    | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                                                                        |
| 31  | ĐƯƠNG TUẤN PHƯƠNG    | Nam       | 29/10/1981 | 162       | 72       | 71   | 130/80   | Bình thường | Bình thường               | Răng 25 mất 1/2 thân; Răng 48 mọc lệch | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Răng 25 mất 1/2 thân; Răng 48 mọc lệch                                         | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 32  | VŨ QUANG HÒA         | Nam       | 04/09/1985 | 160       | 62       | 81   | 130/80   | Bình thường | Bình thường               | Bình thường                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Thở lục                                                                        | II        | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                                                                        |
| 33  | NGUYỄN THỊ SƠI       | Nữ        | 30/12/1976 | 157       | 65       | 83   | 120/70   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 37                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường                   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Sâu răng 37                                                                    | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 34  | NGUYỄN THỊ CHINH     | Nữ        | 20/02/1974 | 145       | 47       | 82   | 110/70   | Bình thường | Bình thường               | Mòn lớp men răng                       | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Tiền sử mô u nang buồng trứng | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Thở lục/ Mòn lớp men răng/ Tiền sử mô U nang buồng trứng                       | III       | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 35  | NGUYỄN THỊ MINH      | Nữ        | 20/06/1978 | 155       | 54       | 78   | 120/70   | Bình thường | Bình thường               | Sâu răng 14; Mòn mặt nhai răng hàm     | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Bình thường                   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Sâu răng 14; Mòn mặt nhai răng hàm                                             | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 36  | LÊ XUÂN HỒNG         | Nam       | 15/10/1979 | 168       | 68       | 68   | 120/70   | Bình thường | Bình thường               | Chấn răng 46,47; Chèn chúc nhóm răng   | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Chấn răng 46,47; Chèn chúc nhóm răng                                           | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 37  | LƯU XUÂN CÔNG        | Nam       | 02/06/1980 | 174       | 70       | 76   | 110/80   | Bình thường | Tiền sử mô viêm ruột thừa | Sâu răng 47                            | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Tiền sử mô viêm ruột thừa/ Sâu răng 47                                         | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |
| 38  | VŨ VĂN THUẬN         | Nam       | 10/03/1981 | 163       | 66       | 86   | 120/80   | Bình thường | Bình thường               | Răng 38,48 mọc lệch; Sâu răng 48       | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |                               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính           | Bình thường | Răng 38,48 mọc lệch; Sâu răng 48                                               | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mắt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                                                                                 |

| STT | Họ tên            | Giới tính | Năm sinh   | Chiều cao | Cân nặng | Mạch | Huyết áp | Khám Nội    | Khám Ngoại  | Khám RHM                           | Khám TMH    | Khám Mắt    | Khám Da Liễu | Khám phụ khoa | Khám lâm sàng vù | HAV     | HEV     | Mã túy 5 chân | Nuôi cấy phân | Nước tiểu | Xq tim phổi | Kết luận                                               | Phân loại | Tư vấn                                                                                                                      |
|-----|-------------------|-----------|------------|-----------|----------|------|----------|-------------|-------------|------------------------------------|-------------|-------------|--------------|---------------|------------------|---------|---------|---------------|---------------|-----------|-------------|--------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 39  | LÊ THỊ HẦU        | Nữ        | 01/11/1984 | 165       | 59       | 69   | 120/80   | Bình thường | Bình thường | Chấn răng 20                       | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Chấn răng 26                                           | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 40  | NGUYỄN THỊ XUÂN   | Nữ        | 02/09/1980 | 156       | 54       | 75   | 120/70   | Bình thường | Bình thường | Sấu răng 35                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Sấu răng 35                                            | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 41  | VŨ THỊ NGÂN       | Nữ        | 23/12/1986 | 152       | 51       | 79   | 150/90   | Bình thường | Bình thường | Sấu răng 27, 37                    | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Leu3+     | Bình thường | Thở lục/ Tăng huyết áp/ Sấu răng 27, 37/ Bạch cầu niệu | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý/ Nghi ngờ 15p do lại huyết áp |
| 42  | LỘC THỊ HƯƠNG     | Nữ        | 09/04/1982 | 168       | 64       | 67   | 140/90   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Tăng huyết áp                                          | III       | Ban nên nghỉ ngơi để lại huyết áp                                                                                           |
| 43  | VŨ VĂN LONG       | Nam       | 23/10/1993 | 165       | 60       | 77   | 120/70   | Bình thường | Bình thường | Sấu răng 36                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  |               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Sấu răng 36                                            | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 44  | NGUYỄN THỊ TUYẾN  | Nữ        | 08/08/1988 | 160       | 56       | 80   | 100/60   | Bình thường | Bình thường | Mắt răng 36,46                     | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Mổ đẻ 1 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Mắt răng 36,46/ Mổ đẻ 1 lần                            | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 45  | BÙI HƯƠNG NHÃI    | Nữ        | 03/05/1981 | 155       | 45       | 78   | 130/80   | Bình thường | Bình thường | Mắt răng 35; Mòn mặt nhai răng hàm | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Blo3+     | Bình thường | Mắt răng 35; Mòn mặt nhai răng hàm/ Hồng cầu niệu      | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 46  | NGUYỄN THỊ MAI    | Nữ        | 20/10/1981 | 154       | 57       | 82   | 120/80   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Thở lục                                                | II        | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 47  | NGÔ THỊ XUÂN      | Nữ        | 06/07/1969 | 155       | 47       | 85   | 120/70   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 48  | LÊ KIỆU NGƯỜI     | Nữ        | 03/07/1980 | 160       | 60       | 76   | 120/70   | Bình thường | Bình thường | Mòn mặt nhai răng hàm              | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Mổ đẻ 3 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Mòn mặt nhai răng hàm/ Mổ đẻ 3 lần                     | III       | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 49  | TRẦN THỊ VANG     | Nữ        | 10/08/1983 | 150       | 43       | 89   | 120/80   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Thở lục                                                | III       | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 50  | NGUYỄN THỊ THANH  | Nữ        | 15/02/1988 | 156       | 60       | 80   | 120/80   | Bình thường | Bình thường | Chấn răng 36,46                    | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Chấn răng 36,46                                        | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 51  | NGUYỄN THANH BÌNH | Nam       | 17/02/1995 | 165       | 65       | 86   | 130/80   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  |               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 52  | MAI VĂN GIANG     | Nam       | 11/07/1990 | 164       | 57       | 80   | 110/60   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  |               |                  | Âm tính | Âm tính | Âm tính       | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 53  | NGUYỄN THỊ GIANG  | Nữ        | 26/11/1984 | 159       | 61       | 73   | 120/80   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 54  | NGUYỄN THỊ DIỆP   | Nữ        | 25/12/1983 | 150       | 46       | 76   | 130/80   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Thở lục                                                | III       | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 55  | PHẠM THỊ TÂM      | Nữ        | 10/04/1974 | 163       | 68       | 71   | 100/80   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 56  | LÊ THỊ NGUYỄN     | Nữ        | 02/05/1981 | 160       | 56       | 75   | 110/80   | Bình thường | Bình thường | Sấu răng 37                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Sấu răng 37                                            | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 57  | VŨ THỊ NGUYỄN     | Nữ        | 05/04/1988 | 160       | 57       | 75   | 110/70   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |
| 59  | NGUYỄN THỊ NGÂN   | Nữ        | 09/04/1984 | 160       | 57       | 85   | 110/70   | Bình thường | Bình thường | Sấu răng 37,46,47                  | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Đẻ mổ 1 lần   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Đẻ mổ 1 lần/ Sấu răng 37,46,47                         | II        | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên sâu về bệnh lý                               |
| 60  | NGUYỄN THỊ HÀ     | Nữ        | 10/09/1974 | 155       | 50       | 83   | 110/70   | Bình thường | Bình thường | Bình thường                        | Bình thường | Bình thường | Bình thường  | Bình thường   | Bình thường      | Âm tính | Âm tính |               | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường | Bình thường                                            | I         | Sức khỏe của bạn hiện tại tốt, bạn nên duy trì chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt để cơ thể luôn khỏe mạnh                      |

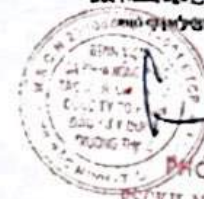
| STT | Họ tên            | Giới tính | Năm sinh   | Chiều cao | Cân nặng | Nhịp | Huyết áp | Khám Nội    | Khám Ngoại                       | Khám RHM    | Khám T.MH   | Khám Mắt            | Khám Da Liễu | Khám phụ khoa | Khám lâm sàng v.v | HAV     | HEV     | Mã tỷ lệ 5 chân | Nuôi cấy phân | Nước tiểu | Xét tìm phôi | Kết luận                          | Phân loại | Tư vấn                                                                                         |
|-----|-------------------|-----------|------------|-----------|----------|------|----------|-------------|----------------------------------|-------------|-------------|---------------------|--------------|---------------|-------------------|---------|---------|-----------------|---------------|-----------|--------------|-----------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 61  | VŨ ĐĂNG HÙNG      | Nam       | 05/12/1984 | 155       | 52       | 78   | 130/90   | Bình thường | Bình thường                      | Bình thường | Bình thường | Hai mắt tật khúc xạ | Bình thường  |               |                   | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường  | Hai mắt tật khúc xạ/ Thở học      | III       | Ban nên hạn chế dùng điện thoại và máy tính, nhỏ nước mắt nhân tạo để tránh bị khô mắt         |
| 62  | NGUYỄN TRỌNG NGOC | Nam       | 01/01/1976 | 165       | 57       | 78   | 120/80   | Bình thường | Tụt tử mô kết hợp xương đòn phải | Bình thường | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  |               |                   | Âm tính | Âm tính | Âm tính         | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường  | Tụt tử mô kết hợp xương đòn phải  | II        | Ban nên tái khám bác sĩ chuyên khoa chấn thương chỉnh hình để có báo cáo                       |
| 63  | NGUYỄN THỊ NGUYỄN | Nữ        | 13/05/1976 | 150       | 55       | 73   | 110/70   | Bình thường | Bình thường                      | Sẹo răng 37 | Bình thường | Bình thường         | Bình thường  | Mổ đẻ 1 lần   | Bình thường       | Âm tính | Âm tính |                 | Âm tính       | Âm tính   | Bình thường  | Thở học/ Sẹo răng 37/ Mổ đẻ 1 lần | III       | Ban nên khám bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt để được tư vấn và điều trị chuyên khoa về bệnh lý |

NGƯỜI LẬP BẢNG

  
NGUYỄN THANH NGÀ

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2024

CHỖ CHỮ CHỮ ĐÓNG



CHỖ CHỮ CHỮ ĐÓNG  
BÁC SĨ NGUYỄN VĂN NHÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO**

**Địa chỉ: Nam Viên – Xã Tân Chi – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam**

**Hotline: 096.278.77.99**

**E-mail: [info@dbcfood.vn](mailto:info@dbcfood.vn)**

**Tên sản phẩm: CHẢ LỤA DBC**

**Số: 085/DABACO/2025**



1

A handwritten signature in black ink, consisting of a stylized 'M' followed by a flourish, located below the number '1'.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 085/DABACO/2025**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO

Địa chỉ: Nam Viên – Xã Tân Chi – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.

Hotline: 096.278.77.99

E-mail: info@dbcfood.vn

Mã số doanh nghiệp: 2300345626

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2025/BQLATTP-BN. Ngày cấp:

13/05/2025. Nơi cấp: Ban Quản Lý An Toàn Thực Phẩm Tỉnh Bắc Ninh.

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM**

**1. Tên sản phẩm: CHẢ LỤA DBC**

**2. Thành phần:** Thịt heo ,thịt gà, thịt cá, nước mắm, muối, tiêu, đường, gluten lúa mì, tinh bột bắp biến tính, chất nhũ hóa (1422, 407, 450iii, 452i, 451i), đạm đậu nành, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm BIO- MP170 ( Transglutaminase > 4%, Maltodextrin < 96 %), chất xơ từ bột mỳ, chất điều chỉnh độ axit (262i, 331iii), chất điều vị (621, 640), chất chống oxi hóa (301, 300, 316), chất bảo quản (250, 234), hương thịt, hương nước mắm.

**3. Thời hạn sử dụng:**

- 30 ngày ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C, kể từ ngày sản xuất.
- NSX, HSD in trên tem nhãn hoặc bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói kín trong túi PA/PE (đạt yêu cầu bao bì chứa đựng thực phẩm, bao bì sạch, kín, đảm bảo vệ sinh); bề mặt có in hoặc dán nhãn chính.
- **Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh: 0.2kg, 0.25kg, 0.5kg, 1kg, 2kg, 3kg, 5kg, 10kg hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn

sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng; có thể theo yêu cầu của khách hàng.

**III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM:**

Tổ chức chúng tôi sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm, ngày 30/08/2019.
- Thông tư số 17/2023/TT – BYT sửa đổi bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Ngày ban hành 25/09/2023.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: “ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bắc Ninh, ngày 15... tháng 12... năm 2025



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
Nguyễn Thị Thúy Nga

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/05/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z292E0569

Mã KQ/ RP. No: 002032130.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Quốc lộ 38, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 10/05/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 10/05/2025 - 13/05/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Chả lụa DBC
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|
| 1           | Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                |
| 2           | Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)                 | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
Technical Manager



LÊ NHƠN ĐỨC

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL**  
On behalf of TSL Science Co., Ltd



LÝ BÁ HẢO

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép, nhân, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test result shall not be copied, reproduced, full, without the written approval of TSL.



TS-TTCL-7.8/BM-04



HỢP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN THỦ Y DABACO

Số 10/2015/GN Khắc Niệm – TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222.3717.358, Fax 0222.3717.359

Website: www.dabaco.com.vn

Ngày nhận mẫu

17/12/2025

Ngày trả kết quả

23/12/2025

DABACO LAB

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhân viên xét nghiệm: Mrs Luyến<br>Test by                                                   | Gửi kết quả đến: Bà Tổng Thị Tố Liên – Tổng Giám đốc<br>Report to                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 1. Mã số mẫu: BL 253411.14<br>Lab code                                                       | 6. Nơi gửi mẫu: Công ty có phân chế biến thực phẩm DABACO                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 2. Loại mẫu: Mẫu thực phẩm<br>Sample                                                         | 7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong dụng cụ chuyên dụng.<br>Sample description                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3. Số lượng mẫu: 1 mẫu<br>No. sample                                                         | 8. Người nhận mẫu: Ms Nguyệt<br>Sample receiver                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 4. Thông tin mẫu: Chả lụa DBC NSX: 11.12.2025 –<br>Công ty có phân Chế biến thực phẩm DABACO | 9. Yêu cầu xét nghiệm:<br>- Mẫu thực phẩm: Xét nghiệm Vi sinh vật hiếu khí tổng số*,<br><i>E.coli</i> , <i>Salmonella</i> sp, <i>Coliform</i> , Vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> ,<br><i>Clostridium perfringens</i> , <i>Clostridium botulinum</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i> , Vi khuẩn gây bệnh khác |
| 5. Phương pháp xét nghiệm: TCVN & nuôi cấy thường<br>quy PTN.<br>Test method                 | 10. Thời gian thử nghiệm: 17-22/12/2025<br>Testing duration                                                                                                                                                                                                                                                       |

## KẾT QUẢ

| Tên mẫu                        | Chỉ tiêu vi sinh                        | SL mẫu | Phương pháp thử     | Kết quả (Cfu/1gr) | Tiêu chuẩn (cfu/1gr) |
|--------------------------------|-----------------------------------------|--------|---------------------|-------------------|----------------------|
| Chả lụa DBC<br>NSX: 11.12.2025 | <i>Coliforms</i> tổng số                | 01     | TCVN 6848: 2007     | < 1 CFU/100ml     |                      |
|                                | <i>E.coli</i>                           |        | TCVN 7924 - 2: 2008 | KPH               | <10 <sup>2</sup>     |
|                                | <i>Salmonella</i> sp                    |        | TCVN 4829: 2005     | KPH               | Không có             |
|                                | <i>VSV</i> hiếu khí tổng số*            |        | TCVN 4884 : 2015    | < 1 CFU/100ml     | <10 <sup>6</sup>     |
|                                | Vi khuẩn <i>Clostridium perfringens</i> |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                | Vi khuẩn <i>Clostridium botulinum</i>   |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                | Vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i>   |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                | Vi khuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i>  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                | Vi khuẩn gây bệnh khác                  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |

### \* Kết luận:

- Các chỉ tiêu vi sinh trong mẫu thực phẩm kiểm tra đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 8-3 :2012/BYT.

TP XÉT NGHIỆM

Phạm Thị Hoà



Nguyễn Thị Thu Hường

Notes:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị với mẫu do khách hàng gửi, mọi thông tin về kết quả XN đều được giữ bí mật, không phải tán thông tin ra ngoài.

Chỉ tiêu \* là chỉ tiêu được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025: 2017

Thời gian lưu mẫu: 07 ngày kể từ ngày trả lời kết quả

## Tên sản phẩm: CHẢ LỤA DBC

Thành phần: Thịt heo, thịt gà, thịt cá, nước mắm, muối, tiêu, đường, gluten lúa mì, tinh bột bắp biến tính, chất nhũ hóa (1422, 407, 450iii, 452i, 451i), đạm đậu nành, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm BIO- MP170 (Transglutaminase > 4%, Maltodextrin < 96 %), chất xơ từ bột mỳ, chất điều chỉnh độ axit (262i, 331iii), chất điều vị (621, 640), chất chống oxy hóa (301, 300, 316), chất bảo quản (250, 234), hương thịt, hương nước mắm.

Chỉ tiêu dinh dưỡng chính( Giá trị dinh dưỡng trong 100g):

Năng lượng: ≤ 239 Kcal ; Hàm lượng chất béo: ≤ 19.2 g ; Protein: ≥ 15.1 g ; Hàm lượng Natri: ≤ 449.3 mg ; Tổng Carbohydrate: ≤ 1.41 g

Thời hạn sử dụng: 30 ngày ở nhiệt độ 0°C đến 4°C kể từ ngày sản xuất. NSX, HSD in trên tem nhãn hoặc bao bì.

**NSX**

**HSD**

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn ngay hoặc chế biến tùy thích

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nguyên bao bì ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C. Khi mở túi cần sử dụng hết trong 24 giờ

Thông tin cảnh báo : Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Số tư công bố: 085/DABACO/2025

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO

Địa chỉ: Nam Viên – Xã Tân Chi – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.

Hotline: 096.278.77.99

Email: info@dbcfood.vn Website: Dabacofood.com

Khối lượng tịnh:



Bảo quản ngày 06 tháng 04 năm 2026  
CHẾ BIẾN ĐẠI DIỆN CÔNG TY  
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
*Nguyễn Thị Thúy Nga*

Số/ No.: VLAB0-260117-039/9

Ngày phát hành/ Issue date : 23/01/2026  
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng<sup>(1)</sup>/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**  
Địa chỉ<sup>(1)</sup>/ Address: **Nam viên, Xã Tân Chi, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **17/01/2026**  
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **17/01/2026 đến 23/01/2026**  
Tên mẫu<sup>(1)</sup>/ Sample Name: **Chà lụạ DBC**  
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**

[Xem trang kế/See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.  
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.  
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.  
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.  
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.  
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.  
(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.  
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).  
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.  
- KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.  
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.  
- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.  
- Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
**Officer in charge of Laboratory**



**Phạm Lê Tiến Khánh**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**General Director**



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center:**

**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City  
**Cần Thơ:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City  
**Bạc Liêu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Trách, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Ward, Tra My Province  
**Cà Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province





**VietLabs**

Your Trusted Partner



Số/ No.: VLAB-260117-039/G

## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



VALAS 160

Ngày phát hành/ Issue date : 23/01/2026  
Trang/ Page : 2/2

### Kết quả/ result

| STT<br>No. | Chỉ tiêu<br>Parameter                            | Kết quả<br>Result | Đơn vị<br>Unit | LOQ   | Phương pháp phân tích<br>Test method |
|------------|--------------------------------------------------|-------------------|----------------|-------|--------------------------------------|
| 1.         | Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium<br>(Cd) content    | KPH/ND            | mg/kg          | 0,015 | AOAC 2015.01(a)                      |
| 2.         | Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb)<br>content          | KPH/ND            | mg/kg          | 0,05  | AOAC 2015.01(a)                      |
| 3.         | Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury<br>(Hg) content | KPH/ND            | mg/kg          | 0,02  | AOAC 2015.01(a)                      |

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

**VietLabs**  
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

#### Trung tâm phân tích/Testing Center:

**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Trường Ward, HCM City  
**Can Tho:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Can Tho City  
**Bạc Liêu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Trách, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach, Cà Mau Province  
**Ca Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO**

**Địa chỉ: Nam Viên – Xã Tân Chi – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam**

**Hotline: 096.278.77.99**

**E-mail: [info@dbcfood.vn](mailto:info@dbcfood.vn)**

**Tên sản phẩm: GIÒ LỤA DBC**

**Số: 082/DABACO/2025**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 082/DABACO/2025**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO

Địa chỉ: Nam Viên – Xã Tân Chi – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.

Hotline: 096.278.77.99

E-mail: info@dbcfood.vn

Mã số doanh nghiệp: 2300345626

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2025/BQLATTP-BN. Ngày cấp:

13/05/2025. Nơi cấp: Ban Quản Lý An Toàn Thực Phẩm Tỉnh Bắc Ninh.

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM**

**1. Tên sản phẩm: GIÒ LỤA DBC**

**2. Thành phần:** Thịt heo, thịt gà, thịt cá, nước mắm, muối, tiêu, đường, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm BIO- MP170 ( Transglutaminase > 4%, Maltodextrin < 96 %), gluten lúa mì, tinh bột bắp biến tính, chất nhũ hóa (1422, 407, 450iii, 452i, 451i), đậm đặc nành, chất xơ từ bột mỳ, chất điều chỉnh độ axit (262i, 331iii), chất điều vị (621, 640), chất chống oxi hóa (301, 300, 316), chất bảo quản (250, 234), hương thịt, hương nước mắm.

**3. Thời hạn sử dụng:**

- 30 ngày ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C, kể từ ngày sản xuất.
- NSX, HSD in trên tem nhãn hoặc bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói kín trong túi PA/PE (đạt yêu cầu bao bì chứa đựng thực phẩm, bao bì sạch, kín, đảm bảo vệ sinh); bề mặt có in hoặc dán nhãn chính.
- **Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh: 0.2kg, 0.25kg, 0.3kg, 0.5kg, 1kg, 2kg, 3kg, 5kg, 10kg hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên

nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng; có thể theo yêu cầu của khách hàng.

**III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM:**

Tổ chức chúng tôi sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm, ngày 30/08/2019.
- Thông tư số 17/2023/TT – BYT sửa đổi bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Ngày ban hành 25/09/2023.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: “ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bắc Ninh, ngày 21... tháng 12 năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
*Nguyễn Thị Thúy Nga*



TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM  
TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN THỦY SẢN DABACO  
VILAS 311 Khắc Niệm – TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: 0222.3717.358, Fax 0222.3717.359  
Website: www.dabaco.com.vn

Ngày nhận mẫu  
17/12/2025  
Ngày trả kết quả  
23/12/2025

DABACO LAB

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhân viên xét nghiệm: Mrs Luyen<br>Test by                                                | Gửi kết quả đến: Bà Tổng Thị Tố Liên – Tổng Giám đốc<br>Report to                                                                                                                                                                                    |
| 1. Mã số mẫu: BL 253411.13<br>Lab code                                                    | 6. Nơi gửi mẫu: Công ty có phần chế biến thực phẩm DABACO                                                                                                                                                                                            |
| 2. Loại mẫu: Mẫu thực phẩm<br>Sample                                                      | 7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong dụng cụ chuyên dụng.<br>Sample description                                                                                                                                                                              |
| 3. Số lượng mẫu: 1 mẫu<br>No. sample                                                      | 8. Người nhận mẫu: Ms Nguyệt<br>Sample receiver                                                                                                                                                                                                      |
| 4. Thông tin mẫu: Giò lụa DBC NSX: 11.12.2025 – Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm DABACO | 9. Yêu cầu xét nghiệm:<br>- Mẫu thực phẩm: Xét nghiệm Vi sinh vật hiếu khí tổng số*, E.coli, Salmonella sp, Coliform, Vi khuẩn Staphylococcus aureus, Clostridium perfringens, Clostridium botulinum, Pseudomonas aeruginosa, Vi khuẩn gây bệnh khác |
| 5. Phương pháp xét nghiệm: TCVN & nuôi cấy thường quy PTN.<br>Test method                 | 10. Thời gian thử nghiệm: 17-22/12/2025<br>Testing duration                                                                                                                                                                                          |

## KẾT QUẢ

| Tên mẫu                        | Chỉ tiêu vi sinh                | SL mẫu | Phương pháp thử     | Kết quả (Cfu/1gr)   | Tiêu chuẩn (cfu/1gr) |
|--------------------------------|---------------------------------|--------|---------------------|---------------------|----------------------|
| Giò lụa DBC<br>NSX: 11.12.2025 | Coliforms tổng số               | 01     | TCVN 6848: 2007     | < 1 CFU/100ml       |                      |
|                                | E.coli                          |        | TCVN 7924 - 2: 2008 | KPH                 | <10 <sup>2</sup>     |
|                                | Salmonella sp                   |        | TCVN 4829: 2005     | KPH                 | Không có             |
|                                | VSV hiếu khí tổng số*           |        | TCVN 4884 : 2015    | 2,2x10 <sup>2</sup> | <10 <sup>6</sup>     |
|                                | Vi khuẩn Clostridium perfringen |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |
|                                | Vi khuẩn Clostridium botulinum  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |
|                                | Vi khuẩn Staphylococcus aureus  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |
|                                | Vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |
|                                | Vi khuẩn gây bệnh khác          |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |

### \* Kết luận:

- Các chỉ tiêu vi sinh trong mẫu thực phẩm kiểm tra đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 8-3 :2012/BYT.

TP XÉT NGHIỆM

Pham Thi Hoà

KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hương

Note:

Các kết quả thử nghiệm gửi trong phiếu này chỉ có giá trị với mẫu do khách hàng gửi, mọi thông tin về kết quả XN đều được giữ bí mật, không phát tán thông tin ra ngoài.

Chỉ tiêu \* là chỉ tiêu được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025: 2017  
Thời gian lưu mẫu: 07 ngày kể từ ngày trả lời kết quả

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/04/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z247E0007

Mã KQ/ RP No: 002030475.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Quốc lộ 38, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 26/04/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 26/04/2025 - 30/04/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Giò lụa DBC
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                           |
|-------------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)                 | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.003        | TS-KT-QP-27-2021                                                          |
| 2           | Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.003        | TS-KT-QP-27-2021                                                          |
| 3           | Đạm tổng (*)/ Total protein (*)             | 15.1                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001-2018                                                        |
| 4           | Béo tổng (*)/ Total fat (*)                 | 19.2                             | %               | -            | TS-KT-HCB-002-2018                                                        |
| 5           | Carbohydrat (*)/ Carbohydrate (*)           | 1.41                             | %               | -            | TS-KT-HCB-004-2020                                                        |
| 6           | Năng lượng/ Calories                        | 239                              | kcal/100g       | -            | Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition) |
| 7           | Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)             | 4493                             | mg/kg           | -            | TS-KT-QP-01-2018 (Ref. TCVN 9588-2013, AOAC 999.11)                       |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**LÊ NHƠN ĐỨC**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL**

On behalf of TSL Science Co., Ltd



**BÁ HÀO**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

# Tên sản phẩm: GIÒ LỤA DBC

**Thành phần:** Thịt heo, thịt gà, thịt cá, nước mắm, muối, tiêu, đường, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm BIO- MP170 ( Transglutaminase > 4%, Maltodextrin < 96 %), gluten lúa mì, tinh bột bắp biến tính, chất nhũ hóa (1422, 407, 450iii, 452i, 451i), đậm đặc nành, chất xơ từ bột mỳ, chất điều chỉnh độ axit (262i, 331iii), chất điều vị (621, 640), chất chống oxy hóa (301, 300, 316), chất bảo quản (250, 234), hương thịt, hương nước mắm.

**Chỉ tiêu dinh dưỡng chính( Giá trị dinh dưỡng trong 100g):**

Năng lượng: ≤ 239 Kcal ; Hàm lượng chất béo: ≤ 19.2 g ; Protein: ≥ 15.1 g ; Hàm lượng Natri: ≤ 449.3 mg ; Tổng Carbohydrate: ≤ 1.41 g

**Thời hạn sử dụng:** 30 ngày ở nhiệt độ 0°C đến 4°C kể từ ngày sản xuất. NSX, HSD in trên tem nhãn hoặc bao bì.

## NSX

## HSD

**Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm ăn ngay hoặc chế biến tùy thích

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nguyên bao bì ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C. Khi mở túi cần sử dụng hết trong 24 giờ

**Thông tin cảnh báo :** Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

**Số tự công bố:** 082/DABACO/2025

**Sản xuất tại:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO

**Địa chỉ:** Nam Viên – Xã Tân Chi – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.

Hotline: 096.278.77.99

Email: info@dbcfood.vn Website: Dabacofood.com

**Khối lượng tịnh:**



Bắc Ninh, ngày 02... tháng 01... năm 2026



**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY**

*Nguyễn Thị Thúy Nga*

Số/ No.: VLAB0-260117-039/3

Ngày phát hành/ Issue date : 30/01/2026  
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng<sup>(1)</sup>/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**  
Địa chỉ<sup>(1)</sup>/ Address: **Nam viên, Xã Tân Chi, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **17/01/2026**  
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **17/01/2026 đến 30/01/2026**  
Tên mẫu<sup>(1)</sup>/ Sample Name: **Giò lụa DBC**  
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

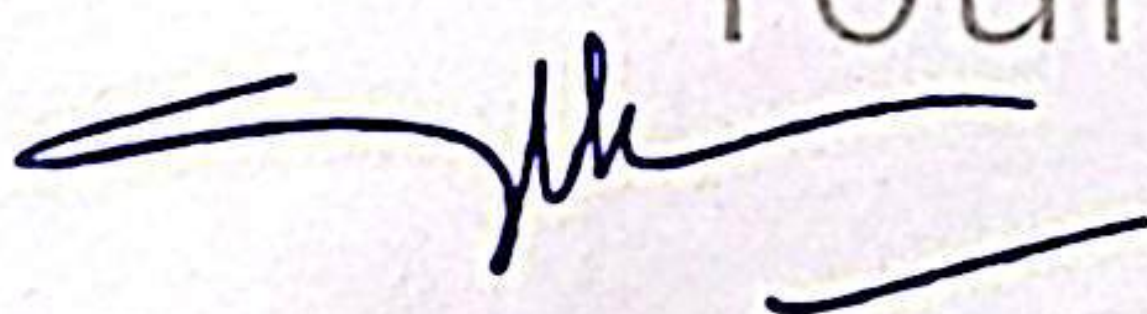
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**

[Xem trang kế/See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.  
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.  
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.  
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.  
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.  
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.  
(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.  
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).  
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.  
- KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.  
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.  
- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.  
- Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
**Officer in charge of Laboratory**



**Phạm Lê Tiến Khánh**



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center:**  
**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City  
**Can Tho:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLABO-260117-039/3

Ngày phát hành/ Issue date : 30/01/2026  
Trang/ Page : 2/2

**Kết quả/ result**

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter                                                                         | Kết quả Result | Đơn vị Unit | LOQ   | Phương pháp phân tích Test method    |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|-------|--------------------------------------|
| 1.      | Năng lượng/Calories                                                                        | 201            | Kcal/100g   | -     | FAO, Food and Nutrition P.77, 2003   |
| 2.      | Hàm lượng protein/Protein content                                                          | 15             | g/100g      | -     | TCVN 8134: 2009(a)                   |
| 3.      | Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content | 4,16           | g/100g      | -     | FAO, Food and Nutrition P.77, 2003   |
| 4.      | Hàm lượng Béo tổng/Total fat content                                                       | 13,8           | g/100g      | -     | TCVN 8136: 2009(a)                   |
| 5.      | Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content                                                   | 3,95           | g/100g      | -     | TCVN 4594:1988(a)                    |
| 6.      | Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content                                                   | 717            | mg/100g     | -     | VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a) |
| 7.      | Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content                                                 | KPH/ND         | mg/kg       | 0,015 | AOAC 2015.01(a)                      |
| 8.      | Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content                                                       | KPH/ND         | mg/kg       | 0,05  | AOAC 2015.01(a)                      |
| 9.      | Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content                                              | KPH/ND         | mg/kg       | 0,02  | AOAC 2015.01(a)                      |

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center:**  
**Ho Chi Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City  
**Can Tho:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO**

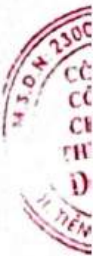
**Địa chỉ: Nam Viên - Xã Tân Chi - Tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam.**

**Hotline: 096.278.77.99**

**E-mail: [info@dbcfood.vn](mailto:info@dbcfood.vn)**

**Tên sản phẩm: XÚC XÍCH DELICA**

**Số: 078/DABACO/2025**



1

A handwritten signature in blue ink is located at the bottom right of the document, next to the number "1".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 078/DABACO/2025**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO

Địa chỉ: Nam Viên – Xã Tân Chi – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.

Hotline: 096.278.77.99

E-mail: info@dbcfood.vn

Mã số doanh nghiệp: 2300345626

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2025/BQLATTP-BN. Ngày cấp: 13/05/2025. Nơi cấp: Ban Quản Lý An Toàn Thực Phẩm Tỉnh Bắc Ninh.

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM**

**1. Tên sản phẩm: XÚC XÍCH DELICA**

**2. Thành phần :** Thịt gà, thịt cá, tinh bột bắp, muối, đường, gluten lúa mì, đạm đậu nành, chất nhũ hóa (1422, 450iii, 451i, 452ii), chất xơ từ bột mỳ, chất điều chỉnh độ axit (262i), chất chống oxy hóa (316, 300), chất điều vị (621), dextrose, sorbitol, hương thịt xông khói, chất bảo quản (250), màu paprika tự nhiên, màu thực phẩm (120,127).

**3. Thời hạn sử dụng:**

- 40 ngày ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C kể từ ngày sản xuất.
- 90 ngày ở nhiệt độ  $\leq -18$  °C kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói kín trong túi PA/PE (đạt yêu cầu bao bì chứa đựng thực phẩm, bao bì sạch, kín, đảm bảo vệ sinh); bề mặt có in hoặc dán nhãn chính.
- **Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh: 50g, 60g, 70g, 200g, 250g, 500g, 1kg, 1.5kg, 2kg, 2.5kg, 3kg, 4kg, 5kg, 10kg, 15kg, 20kg, 25kg, 30kg hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng; có thể theo yêu cầu của khách hàng.

III. **MẪU NHÃN SẢN PHẨM** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. **YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM:**

Tổ chức chúng tôi sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm, ngày 30/08/2019.
- Thông tư số 17/2023/TT – BYT sửa đổi bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Ngày ban hành 25/09/2023.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: “ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2025



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
*Nguyễn Thị Thúy Nga*

## Tên sản phẩm: XÚC XÍCH DELICA

**Thành phần:** Thịt gà, thịt cá, tinh bột bắp, muối, đường, gluten lúa mì, đạm đậu nành, chất nhũ hóa (1422, 450iii, 451i, 452ii), chất xơ từ bột mỳ, chất điều chỉnh độ axit (262i), chất chống oxy hóa (316, 300), chất điều vị (621), dextrose, sorbitol, hương thịt xông khói, chất bảo quản (250), màu paprika tự nhiên, màu thực phẩm (120, 127).

**Chỉ tiêu dinh dưỡng chính( Giá trị dinh dưỡng trong 100g):**

Năng lượng:  $\leq 213$  Kcal ; Hàm lượng chất béo:  $\leq 12.5$  g ; Protein:  $\geq 12.1$  g ; Hàm lượng Natri:  $\leq 625.8$  mg ; Tổng Carbohydrate:  $\leq 13.1$  g

**Thời hạn sử dụng:** 40 ngày ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C kể từ ngày sản xuất. 90 ngày ở nhiệt độ  $\leq -18$  °C kể từ ngày sản xuất. NSX, HSD in trên tem nhãn hoặc bao bì.

## NSX

## HSD

**Hướng dẫn sử dụng:** Chiên ngập dầu hoặc chế biến tùy thích.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nguyên bao bì ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C, hoặc bảo quản đông ở nhiệt độ  $\leq -18$  °C khi mở bao cần sử dụng hết trong ngày

**Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu bị hư hỏng, không tái cấp đông sản phẩm.

**Số tư công bố:** 078/DABACO/2025

**Sản xuất tại:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO

**Địa chỉ:** Nam Viên – Xã Tân Chí – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.

**Hotline:** 096.278.77.99

**Email:** info@dbcfood.vn **Website:** Dabacofood.com

**Khối lượng tịnh:**



Bắc Ninh, ngày 01 tháng 01 năm 2026  
CÓ PHÂN ĐẠI DIỆN CÔNG TY  
CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO  
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
Nguyễn Thị Thúy Nga





VILAS 834

TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM  
TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN THỦ Y DABACO  
Cụm CN Khắc Niệm - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: 0222.3717.358, Fax 0222.3717.359  
Website: www.dabaco.com.vn

Ngày nhận mẫu  
31/03/2025  
Ngày trả kết quả  
05/04/2025

DABACO LAB

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhân viên xét nghiệm: Mrs Luyến<br>Test by                                                       | Gửi kết quả đến: Bà Tổng Thị Tố Liên - Tổng Giám đốc<br>Report to                                                                                                                                                                                 |
| 1. Mã số mẫu: BL 250787.7<br>Lab code                                                            | 6. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần chế biến thực phẩm DABACO                                                                                                                                                                                         |
| 2. Loại mẫu: Mẫu thực phẩm<br>Sample                                                             | 7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong dụng cụ chuyên dụng.<br>Sample description                                                                                                                                                                           |
| 3. Số lượng mẫu: 1 mẫu<br>No. sample                                                             | 8. Người nhận mẫu: Ms Nguyệt<br>Sample receiver                                                                                                                                                                                                   |
| 4. Thông tin mẫu: Xúc xích Delica NSX: 26.03.2025 -<br>Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm DABACO | 9. Yêu cầu xét nghiệm:<br>- Mẫu thực phẩm: Xét nghiệm Vi sinh vật hiếu khí tổng số*,<br>E.coli, Salmonella sp, Coliform, Vi khuẩn Staphylococcus aureus, Vi khuẩn Clostridium perfringens, Vi khuẩn Clostridium botulinum, Vi khuẩn gây bệnh khác |
| 5. Phương pháp xét nghiệm: TCVN & nuôi cấy thường quy PTN.<br>Test method                        | 10. Thời gian thử nghiệm: 31/03-05/04/2025<br>Testing duration                                                                                                                                                                                    |

## KẾT QUẢ

| Tên mẫu                               | Chỉ tiêu vi sinh                 | SL mẫu | Phương pháp thử     | Kết quả (Cfu/1gr) | Tiêu chuẩn (cfu/1gr) |
|---------------------------------------|----------------------------------|--------|---------------------|-------------------|----------------------|
| Xúc xích Delica<br>NSX:<br>26.03.2025 | Coliforms tổng số                | 01     | TCVN 6848: 2007     | KPH               |                      |
|                                       | E.coli                           |        | TCVN 7924 - 2: 2008 | KPH               | <10 <sup>2</sup>     |
|                                       | Salmonella sp                    |        | TCVN 4829: 2005     | KPH               | Không có             |
|                                       | VSV hiếu khí tổng số*            |        | TCVN 4884 : 2015    | KPH               | <10 <sup>6</sup>     |
|                                       | Vi khuẩn Clostridium perfringens |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                       | Vi khuẩn Clostridium botulinum   |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                       | Vi khuẩn Staphylococcus aureus   |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                       | Vi khuẩn gây bệnh khác           |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |

## \* Kết luận:

- Các chỉ tiêu vi sinh trong mẫu thực phẩm kiểm tra đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 8-3 :2012/BYT.

TP XÉT NGHIỆM

Phạm Thị Hoà



## Lưu ý:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị với mẫu do khách hàng gửi, mọi thông tin về kết quả XN đều được giữ bí mật, không phát tán thông tin ra ngoài.

Chỉ tiêu \* là chỉ tiêu được công nhận theo chuẩn ISO 17025: 2017

Thời gian lưu mẫu: 07 ngày kể từ ngày trả lời kết quả



**TESTING REPORT/  
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09

**I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:**

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO  
Address (Địa chỉ) : Nam Viên, Xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

**II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:**

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142029007  
Information provided by applicant : XÚC XÍCH DELICA  
(Thông tin được khách hàng cung cấp) : NSX:25.08.2025  
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn  
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong  
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu  
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -  
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 29/08/2025  
Sample tested on (Ngày phân tích) : 29/08/2025  
Report date (Ngày trả kết quả) : 05/09/2025  
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : Không lưu mẫu

**Note / Ghi chú:**

- (\*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu  
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

**Authorized Technical Representative**  
Phụ trách kỹ thuật

**ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH**

**On behalf of NATEK**  
Đại diện NATEK



**TEK JSC**

**Ha Noi Office:** Km 11, National Highway 21, Hoa Lac Commune, Ha Noi City

**Can Tho Office:** Street 12, KDC Company 8, Cai Rang Ward, Can Tho City

**34243 368 5555**

**natek@natekvn.com**

**www.natekvn.com**

Page/ Trang 1 / 1

TESTING REPORT/  
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09



| Code/ Mã mẫu                                                               | KN142029007/1                     |                 |       |                    |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|-------|--------------------|
| Sample Name/ Tên mẫu:                                                      | XÚC XÍCH                          |                 |       |                    |
| Information provided by applicant/<br>(Thông tin được khách hàng cung cấp) | XÚC XÍCH DELICA<br>NSX:25.08.2025 |                 |       |                    |
| Test Parameter/<br>Chỉ tiêu phân tích                                      | Test Method/<br>Phương pháp       | Unit/<br>Đơn vị | LOD   | Result/<br>Kết quả |
| Cadimi (Cd) <sup>(1)</sup>                                                 | AOAC 999.11                       | mg/kg           | 0.002 | ND                 |
| Chì (Pb) <sup>(1)</sup>                                                    | AOAC 999.11                       | mg/kg           | 0.010 | 0.081              |



VILAS 834

TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM  
TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN THỦ Y DABACO  
Cụm CN Khắc Niệm – TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: 0222.3717.358, Fax 0222.3717.359  
Website: www.dabaco.com.vn

Ngày nhận mẫu  
07/05/2026  
Ngày trả kết quả  
11/05/2026

DABACO LAB

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhân viên xét nghiệm: Mrs Luyen<br>Test by                                                       | Gửi kết quả đến: Bà Tổng Thị Tố Liên – Tổng Giám đốc<br>Report to                                                                                                                                                                                             |
| 1. Mã số mẫu: BL 261253.4<br>Lab code                                                            | 6. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần chế biến thực phẩm DABACO                                                                                                                                                                                                     |
| 2. Loại mẫu: Mẫu thực phẩm<br>Sample                                                             | 7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong dụng cụ chuyên dụng.<br>Sample description                                                                                                                                                                                       |
| 3. Số lượng mẫu: 1 mẫu<br>No.sample                                                              | 8. Người nhận mẫu: Ms Nguyệt<br>Sample receiver                                                                                                                                                                                                               |
| 4. Thông tin mẫu: Xúc xích DELICA NSX: 03.05.2026 –<br>Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm DABACO | 9. Yêu cầu xét nghiệm:<br>- Mẫu thực phẩm: Xét nghiệm Vi sinh vật hiếu khí tổng số*,<br>E.coli, Salmonella sp, Coliform, Vi khuẩn Staphylococcus aureus,<br>Clostridium perfringens, Clostridium botulinum, Pseudomonas<br>aeruginosa, Vi khuẩn gây bệnh khác |
| 5. Phương pháp xét nghiệm: TCVN & nuôi cấy thường<br>quy PTN.<br>Test method                     | 10. Thời gian thử nghiệm: 07/11/2026-11/05/2026<br>Testing duration                                                                                                                                                                                           |

## KẾT QUẢ

| Tên mẫu                               | Chỉ tiêu vi sinh                | SL mẫu | Phương pháp thử     | Kết quả (Cfu/lgr) | Tiêu chuẩn (cfu/lgr) |
|---------------------------------------|---------------------------------|--------|---------------------|-------------------|----------------------|
| Xúc xích<br>DELICA NSX:<br>03.05.2026 | Coliforms tổng số               | 01     | TCVN 6848: 2007     | < 10 CFU/g        |                      |
|                                       | E.coli                          |        | TCVN 7924 - 2: 2008 | Âm tính           | <10 <sup>2</sup>     |
|                                       | Salmonella sp                   |        | TCVN 4829: 2005     | Âm tính           | Không có             |
|                                       | VSV hiếu khí tổng số*           |        | TCVN 4884 : 2015    | < 10 CFU/g        | <10 <sup>6</sup>     |
|                                       | Vi khuẩn Clostridium perfringen |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                       | Vi khuẩn Clostridium botulinum  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                       | Vi khuẩn Staphylococcus aureus  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                       | Vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                       | Vi khuẩn gây bệnh khác          |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |

## \* Kết luận:

- Các chỉ tiêu vi sinh trong mẫu thực phẩm kiểm tra đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 8-3 :2012/BYT

TP XÉT NGHIỆM

Phạm Thị Hoà



## Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị với mẫu do khách hàng gửi, mọi thông tin và kết quả XN đều được gửi bí mật, không phát tán thông tin ra ngoài.

Chỉ tiêu \* là chỉ tiêu được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2017

Thời gian lưu mẫu: 07 ngày kể từ ngày trả lời kết quả

Số/ No.: VLAB0-260825-036/1

Ngày phát hành/ Issue date : 03/09/2026  
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng/ Company<sup>(1)</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**  
Địa chỉ/ Address<sup>(1)</sup>: **Nam viên, Xã Tân Chi, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**  
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: **25/08/2026**  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: **25/08/2026 đến 28/08/2026**  
Tên mẫu/ Sample Name<sup>(1)</sup>: **Xúc xích Delica**  
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu chứa trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**  
[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

<sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp/ <sup>(1)</sup> Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**Phụ trách phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of Laboratory



**Nguyễn Ngọc Hân**

**TUQ. Tổng Giám đốc/ For General Director**  
**Giám đốc kỹ thuật/ Technical Director**



**Phạm Lê Tiến Khánh**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

**Trung tâm phân tích/ Testing Center**

**Hồ Chí Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

**Can Tho** Lô số LK5-12, đường số 5, khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành Phố Cần Thơ  
Lot LK5-12, Street No. 5, Nguyen Van Cu Urban Area, Long Tuyen Ward, Can Tho City

**Bạc Liêu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

**Cà Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB0-260825-036/1

Ngày phát hành/ Issue date : 03/09/2026  
Trang/ Page : 2/2

## Kết quả result

| TT<br>No. | Chỉ tiêu<br>Parameter                       | Phương pháp phân tích<br>Test method | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | LOQ   |
|-----------|---------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|-------------------|-------|
| 1.        | Hàm lượng Cadimi (Cd)/ Cadmium (Cd) content | AOAC 2015.01(a)                      | mg/kg          | KPH/ND            | 0,015 |
| 2.        | Hàm lượng Chì (Pb)/ Lead (Pb) content       | AOAC 2015.01(a)                      | mg/kg          | KPH/ND            | 0,05  |

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

**VietLabs**  
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs  
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

### Trung tâm phân tích/Testing Center

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
**Can Tho** Lô số LK5-12, đường số 5, khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành Phố Cần Thơ  
Lot LK5-12, Street No. 5, Nguyen Van Cu Urban Area, Long Tuyen Ward, Can Tho City  
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO**

**Địa chỉ: Nam Viên – Xã Tân Chi- Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam**

**Hotline: 096.278.77.99**

**E-mail: [info@dbcfood.vn](mailto:info@dbcfood.vn)**

**Tên sản phẩm: BÁNH BAO CHAY**

**Số: 114/DABACO/2025**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 114/DABACO/2025**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO

Địa chỉ: Nam Viên – Xã Tân Chi- Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.

Hotline: 096.278.77.99

E-mail: info@dbcfood.vn

Mã số doanh nghiệp: 2300345626

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 063/2025/BQLATTP-BN. Ngày cấp:

13/05/2025. Nơi cấp: Ban Quản Lý An Toàn Thực Phẩm Tỉnh Bắc Ninh.

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM**

**1. Tên sản phẩm: BÁNH BAO CHAY**

**2. Thành phần:** Bột mỳ, nước, tinh bột bắp, dầu ăn, men bánh, baking powder, Chất béo làm bánh (chất béo chiết xuất từ dầu cọ, 475), chất ổn định bánh (420, 471, 475, 1520), muối, đường, hương sữa tổng hợp, chất điều chỉnh độ axit ( 262i, 331iii), chất chống oxy hóa (300, 301), chất bảo quản (282).

**3. Thời hạn sử dụng:**

- 3 tháng ở nhiệt độ  $\leq -18^{\circ}\text{C}$  kể từ ngày sản xuất.
- NSX, HSD in trên tem nhãn hoặc bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói kín trong túi OP/PE hoặc PA/PE (đạt yêu cầu bao bì chứa đựng thực phẩm, bao bì sạch, kín, đảm bảo vệ sinh); bề mặt có in hoặc dán nhãn chính.
- **Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh: 25g, 30g, 40g, 250g, 300g, 350g, 400g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng; có thể theo yêu cầu của

03456  
ÔNG T  
CỔ PH  
CHẾ BI  
HỰC PH  
DABA  
T.Đ. - T.

khách hàng.

**III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM:**

Tổ chức chúng tôi sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm, ngày 30/08/2019.
- Thông tư số 17/2023/TT – BYT sửa đổi bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Ngày ban hành 25/09/2023.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: “ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- QCVN 8-1:2011/BYT “ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”
- Tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bắc Ninh, ngày 31... tháng 12... năm 2025



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
*Nguyễn Thị Thúy Nga*

Số/ No.: VLAB0-251206-048/11

Ngày phát hành/ Issue date : 20/12/2025

Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng<sup>(1)</sup>/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**  
Địa chỉ<sup>(1)</sup>/ Address: **Nam viên, Xã Tân Chi, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **06/12/2025**  
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **06/12/2025 đến 20/12/2025**  
Tên mẫu<sup>(1)</sup>/ Sample Name: **Bánh bao chay**  
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu đựng trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**

[Xem trang kế/ See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.  
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.  
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.  
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.  
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.  
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.  
(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.  
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).  
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.  
- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.  
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.  
- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is an unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
**OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY**



**Nguyễn Ngọc Hân**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GENERAL DIRECTOR**



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/ Testing Center:**

**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City  
**Can Tho:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City  
**Bạc Liêu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Cà Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**



Số/ No. LAB-251206-048/11

Ngày phát hành/ Issue date : 20/12/2025  
Trang/ Page : 2/2

**Kết quả/ result**

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter                                                                         | Kết quả Result | Đơn vị Unit | LOQ | Phương pháp phân tích Test method    |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|-----|--------------------------------------|
| 1.      | Năng lượng/Calories                                                                        | 286            | Kcal/100g   | -   | FAO, Food and Nutrition P.77, 2003   |
| 2.      | Hàm lượng protein/Protein content                                                          | 7,07           | g/100g      | -   | TCVN 10034:2013(a)                   |
| 3.      | Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content | 54,1           | g/100g      | -   | FAO, Food and Nutrition P.77, 2003   |
| 4.      | Hàm lượng Béo tổng/Total fat content                                                       | 4,61           | g/100g      | -   | VLAB-CH-TP-106(a)                    |
| 5.      | Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content                                                   | 20,2           | g/100g      | -   | TCVN 4594:1988(a)                    |
| 6.      | Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content                                                   | 436            | mg/100g     | -   | VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a) |
| 7.      | Deoxynivalenol (DON)                                                                       | KPH/ND         | µg/kg       | 50  | VLAB-CH-TP-599(a)                    |

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center:**

**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City  
**Cần Thơ:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City  
**Bạc Liêu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau  
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province  
**Cà Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



**TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**  
**TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN THỦ Y DABACO**  
 Cụm CN Khắc Niệm – TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh  
 Điện thoại: 0222.3717.358, Fax 0222.3717.359  
 Website: www.dabaco.com.vn

Ngày nhận mẫu  
 10/12/2025  
 Ngày trả kết quả  
 15/12/2025

DABACO LAB

### PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhân viên xét nghiệm: Mrs Luyến                                                             | Gửi kết quả đến: Bà Tổng Thị Tô Liên – Tổng Giám đốc                                                                                                                                                                       |
| Test by                                                                                     | Report to                                                                                                                                                                                                                  |
| 1. Mã số mẫu: BL 253336.12                                                                  | 6. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần chế biến thực phẩm DABACO                                                                                                                                                                  |
| Lab code                                                                                    | 7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong dụng cụ chuyên dụng.                                                                                                                                                                          |
| 2. Loại mẫu: Mẫu thực phẩm                                                                  | Sample description                                                                                                                                                                                                         |
| Sample                                                                                      | 8. Người nhận mẫu: Ms Nguyệt                                                                                                                                                                                               |
| 3. Số lượng mẫu: 1 mẫu                                                                      | Sample receiver                                                                                                                                                                                                            |
| No. sample                                                                                  | 9. Yêu cầu xét nghiệm:                                                                                                                                                                                                     |
| 4. Thông tin mẫu: Bánh bao chay NSX: 02.12.2025 – Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm DABACO | - Mẫu thực phẩm: Xét nghiệm Vi sinh vật hiếu khí tổng số*, E.coli, Salmonella sp, Coliform, Vi khuẩn Staphylococcus aureus, Clostridium perfringens, Clostridium botulinum, Pseudomonas aeruginosa, Vi khuẩn gây bệnh khác |
| 5. Phương pháp xét nghiệm: TCVN & nuôi cấy thường quy PTN.                                  | 10. Thời gian thử nghiệm: 10-15/12/2025                                                                                                                                                                                    |
| Test method                                                                                 | Testing duration                                                                                                                                                                                                           |

### KẾT QUẢ

| Tên mẫu                          | Chỉ tiêu vi sinh                 | SL mẫu | Phương pháp thử     | Kết quả (Cfu/1gr) | Tiêu chuẩn (cfu/1gr) |
|----------------------------------|----------------------------------|--------|---------------------|-------------------|----------------------|
| Bánh bao chay<br>NSX: 02.12.2025 | Coliforms tổng số                | 01     | TCVN 6848: 2007     | < 1 CFU/100ml     |                      |
|                                  | E.coli                           |        | TCVN 7924 - 2: 2008 | KPH               | <10 <sup>2</sup>     |
|                                  | Salmonella sp                    |        | TCVN 4829: 2005     | KPH               | Không có             |
|                                  | VSV hiếu khí tổng số*            |        | TCVN 4884 : 2015    | < 1 CFU/100ml     | <10 <sup>6</sup>     |
|                                  | Vi khuẩn Clostridium perfringens |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                  | Vi khuẩn Clostridium botulinum   |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                  | Vi khuẩn Staphylococcus aureus   |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                  | Vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                  | Vi khuẩn gây bệnh khác           |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |

#### \* Kết luận:

- Các chỉ tiêu vi sinh trong mẫu thực phẩm kiểm tra đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 8-3 :2012/BYT.

TP XÉT NGHIỆM

Phạm Thị Hoà



Vũ Đăng Đồng

Notes:

Các kết quả xét nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị với mẫu đã được kiểm tra, mọi thông tin về kết quả XN cần được giữ bí mật, không phải là tài liệu tin cậy ra ngoài.

Chú thích \* là chỉ tiêu được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017

Thời gian lưu trữ: 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

## Tên sản phẩm: BÁNH BAO CHAY

**Thành phần:** Bột mỳ, nước, tinh bột bắp, dầu ăn, men bánh, baking powder, Chất béo làm bánh (chất béo chiết xuất từ dầu cọ, 475), chất ổn định bánh (420, 471, 475, 1520), muối, đường, hương sữa tổng hợp, chất điều chỉnh độ axit ( 262i, 331iii), chất chống oxy hóa (300, 301), chất bảo quản (282).

**Chỉ tiêu dinh dưỡng chính( Giá trị dinh dưỡng trong 100g):**

Năng lượng: ≤ 286 Kcal ; Hàm lượng chất béo: ≤ 4.61 g ; Protein: ≥ 7.07 g ; Hàm

lượng Natri: ≤ 436 mg ; Tổng Carbohydrate: ≤ 54.1 g ; Đường tổng ≤ 20.2 g

**Thời hạn sử dụng:** 3 tháng ở nhiệt độ ≤ -18 °C kể từ ngày sản xuất. NSX, HSD in trên tem nhãn hoặc bao bì.

**NSX**

**HSD**

**Hướng dẫn sử dụng:** Đẻ rã đông, hấp cách thủy 8 - 15 phút hoặc chiên ngập dầu.

**Hướng dẫn bảo quản:** Giữ nguyên túi dán kín ở nhiệt độ ≤ -18 °C khi mở bao bì cần sử dụng trong hết trong 24 giờ

**Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu bị hư hỏng. Không sử dụng khi bị dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm. Không tái cấp đông sản phẩm.

**Số tự công bố:** 114/DABACO/2025

**Sản xuất tại:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO

**Địa chỉ:** Nam Viên – Xã Tân Chi- Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.

**Hotline:** 096.278.77.99

**Email:** info@dbcfood.vn

**Website:** Dabacofood.com



**Khối lượng tịnh:**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO**

**Địa chỉ: Nam Viên – Xã Lạc Vệ – Huyện Tiên Du – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.**

**Hotline: 096.278.77.99**

**Điện thoại: 02223.724.343**

**Fax: 02223.724296**

**E-mail: info@dbcfood.vn**

**Website: www.dabacofood.com**

**Tên sản phẩm: XÚC XÍCH WICO**

**Số: 068/ Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Dabaco/2022**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 068/ Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Dabaco/2022**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm DABACO**

**Địa chỉ: Nam Viên – Xã Lạc Vệ – Huyện Tiên Du – Tỉnh Bắc Ninh – Việt Nam.**

**Hotline: 096.278.77.99**

**Điện thoại: 02223.724.343**

**Fax: 02223.724296**

**E-mail: info@dbcfood.vn**

**Website: www.dabacofood.com**

**Mã số doanh nghiệp: 2300345626**

**Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2025/BQLATTP-BN. Ngày cấp:**

**13/05/2025. Nơi cấp: Ban Quản Lý An Toàn Thực Phẩm Tỉnh Bắc Ninh.**

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM**

**1. Tên sản phẩm: XÚC XÍCH WICO**

**2. Thành phần:** Thịt gà, thịt heo, mỡ heo, nước, tinh bột (1412), gluten lúa mì, muối, đường, chất nhũ hóa (450iii, 451i, 452ii), chất điều chỉnh độ axit (262i), chất chống oxy hóa ( 316, 300), chất điều vị ( 621 ), dextrose, hương liệu tự nhiên và tổng hợp, carmine ( 120), parika tự nhiên, Vỏ bọc xúc xích collagen.

**3. Thời hạn sử dụng:**

- 40 ngày ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C, kể từ ngày sản xuất.
- 90 ngày ở nhiệt độ dưới -18 °C, kể từ ngày sản xuất.
- NSX, HSD in trên tem nhãn hoặc bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói kín trong túi PA/PE (đạt yêu cầu bao bì chứa đựng thực phẩm, bao bì sạch, kín, đảm bảo vệ sinh); bề mặt có in hoặc dán nhãn chính.
- **Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh: 50g, 60g, 70g, 200g, 250g, 500g, 1kg, 1.5kg, 2kg, 2.5kg, 3kg, 4kg, 5kg, 10kg, 15kg, 20kg, 25kg, 30kg hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng; có thể theo yêu cầu của khách hàng.

III. **MẪU NHÃN SẢN PHẨM** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. **YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM:**

Tổ chức chúng tôi sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm, ngày 30/08/2019.
- Thông tư số 17/2023/TT – BYT sửa đổi bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Ngày ban hành 25/09/2023.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: “ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2025



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
Nguyễn Thị Thúy Nga



## TEM PHỤ XÚC XÍCH WICO

| XÚC XÍCH WICO                               |
|---------------------------------------------|
| Giá trị dinh dưỡng trong 100g               |
| - Năng lượng: $\leq 213\text{Kcal}$         |
| - Chất đạm ( Protein ): $\geq 12.1\text{g}$ |
| - Carbohydrate: $\leq 13.1\text{g}$         |
| - Chất béo ( Lipid ): $\leq 12.5\text{ g}$  |
| - Natri: $\leq 625.8\text{ mg}$             |

Bắc Ninh, ngày 01... tháng 01... năm 2026

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY**

*Nguyễn Thị Thúy Nga*



# Xúc Xích Wico

TASTY SAUSAGE



HƯƠNG VỊ ĐẶC TRƯNG  
xúc xích Đức

Germany's  
sausage flavor



SẢN PHẨM THUỘC CHUỖI 3F  
CỦA TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

**Thành phần:** Thịt gà, thịt heo, mỡ heo, nước, tinh bột (1412), gluten lúa mì, muối, đường, chất nhũ hóa (450iii, 451i, 452ii), chất điều chỉnh độ axit (262i), chất chống oxy hóa (316, 300), chất điều vị (621), dextrose, hương liệu tự nhiên và tổng hợp, carmine (120), parika tự nhiên, Vỏ bọc xúc xích collagen.

#### Chỉ tiêu chất lượng chính

Protein: 7% - 20% Lipid: 10% - 25%

**Thời hạn sử dụng và hướng dẫn bảo quản:**  
40 ngày ở nhiệt độ từ 0 °C đến 4 °C kể từ ngày sản xuất.

90 ngày ở nhiệt độ -18 °C kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên bao bì

#### Hướng dẫn sử dụng:

+ Luộc xúc xích bằng nước nóng ở nhiệt độ 75 °C đến 85 °C trong 5 phút.

+ Chiên hoặc nướng: Cắt bỏ bao bì và chiên xúc xích ngập dầu khoảng 2 ½ phút ở nhiệt độ 150 °C hoặc nướng xúc xích trong thời gian khoảng 5 phút.

+ Lò Viba: Cắt bỏ bao bì, cho sản phẩm vào lò Viba 1 phút ở 1000 watt hoặc 1 ½ phút ở 850 watt.

#### Thông tin cảnh báo:

+ Khi mở bao bì nếu chưa sử dụng hết, cần bảo quản trong tủ mát và sử dụng hết trong 2 ngày.

+ Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu bị hư hỏng.

#### Số tự công bố:

068/Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thực Phẩm Dabaco/2022

#### Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO

Nam Viên, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

ĐT: 02223.724.343

Fax: 02223.724.296

Email: info@dbcfood.vn

Website: www.dbcfood.com



8 936052 786376

Khối lượng tịnh: 500 g



DABACO FOOD - THỰC PHẨM SẠCH - AN TOÀN CHO MỌI NGƯỜI

CS CamScanner

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/04/2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Z247E0007

Mã KQ/ RP. No: 001030474.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Quốc lộ 38, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 26/04/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 26/04/2025 - 30/04/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : XÚC XÍCH WICO
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result(s)            | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method                                           |
|-------------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)                 | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                                                          |
| 2           | Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/kg           | 0.003        | TS-KT-QP-27:2021                                                          |
| 3           | Đạm tổng (*)/ Total protein (*)             | 12.1                             | %               | -            | TS-KT-HCB-001:2018                                                        |
| 4           | Béo tổng (*)/ Total fat (*)                 | 12.5                             | %               | -            | TS-KT-HCB-002:2018                                                        |
| 5           | Carbohydrat (*)/ Carbohydrate (*)           | 13.1                             | %               | -            | TS-KT-HCB-004:2020                                                        |
| 6           | Năng lượng/ Calories                        | 213                              | kcal/100g       | -            | Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition) |
| 7           | Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)             | 6258                             | mg/kg           | -            | TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)                       |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**LÊ NHƠN ĐỨC**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL**  
**On behalf of TSL Science Co., Ltd**



**LÝ BÁ HÀO**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép, phân phối, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test result shall not be reproduced in full, without the written approval of TSL.



TS-TTCL-7.8/BM-04



VILAS 834 TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM  
TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN THÚ Y DABACO  
Cụm CN Khắc Niệm – TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: 0222.3717.358, Fax 0222.3717.359  
Website: www.dabaco.com.vn

Ngày nhận mẫu  
11/04/2025  
Ngày trả kết quả  
17/04/2025

DABACO LAB

### PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhân viên xét nghiệm: Mrs Luyện<br>Test by                                                     | Gửi kết quả đến: Bà Tổng Thị Tô Liên – Tổng Giám đốc<br>Report to                                                                                                                                                                                 |
| 1. Mã số mẫu: BL 250888,9<br>Lab code                                                          | 6. Nơi gửi mẫu: Công ty có phân chế biến thực phẩm DABACO                                                                                                                                                                                         |
| 2. Loại mẫu: Mẫu thực phẩm<br>Sample                                                           | 7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong dụng cụ chuyên dụng.<br>Sample description                                                                                                                                                                           |
| 3. Số lượng mẫu: 1 mẫu<br>No. sample                                                           | 8. Người nhận mẫu: Ms Nguyệt<br>Sample receiver                                                                                                                                                                                                   |
| 4. Thông tin mẫu: Xúc xích WICO NSX: 04.04.2025 –<br>Công ty có phân Chế biến thực phẩm DABACO | 9. Yêu cầu xét nghiệm:<br>- Mẫu thực phẩm: Xét nghiệm Vi sinh vật hiếu khí tổng số*,<br>E.coli, Salmonella sp, Coliform, Vi khuẩn Staphylococcus aureus, Vi khuẩn Clostridium perfringens, Vi khuẩn Clostridium botulinum, Vi khuẩn gây bệnh khác |
| 5. Phương pháp xét nghiệm: TCVN & nuôi cấy thường quy PTN.<br>Test method                      | 10. Thời gian thử nghiệm: 11-17/04/2025<br>Testing duration                                                                                                                                                                                       |

### KẾT QUẢ

| Tên mẫu                          | Chỉ tiêu vi sinh                 | SL mẫu | Phương pháp thử     | Kết quả (CFU/lgr) | Tiêu chuẩn (cfu/lgr) |
|----------------------------------|----------------------------------|--------|---------------------|-------------------|----------------------|
| Xúc xích WICO<br>NSX: 04.04.2025 | Coliforms tổng số                | 01     | TCVN 6848: 2007     | KPH               |                      |
|                                  | E.coli                           |        | TCVN 7924 - 2: 2008 | KPH               | <10 <sup>2</sup>     |
|                                  | Salmonella sp                    |        | TCVN 4829: 2005     | KPH               | Không có             |
|                                  | VSV hiếu khí tổng số*            |        | TCVN 4884 : 2015    | KPH               | <10 <sup>6</sup>     |
|                                  | Vi khuẩn Clostridium perfringens |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                  | Vi khuẩn Clostridium botulinum   |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                  | Vi khuẩn Staphylococcus aureus   |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |
|                                  | Vi khuẩn gây bệnh khác           |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính           |                      |

#### \* Kết luận:

- Các chỉ tiêu vi sinh trong mẫu thực phẩm kiểm tra đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 8-3 :2012/BYT.

TP XÉT NGHIỆM

Phạm Thị Hoà



Vũ Đăng Đông

**Note:**  
Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị với mẫu do khách hàng gửi, mọi thông tin về kết quả XN đều được giữ bí mật, không phát tán thông tin ra ngoài.  
Chỉ tiêu \* là chỉ tiêu được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2017  
Thời gian lưu mẫu: 07 ngày kể từ ngày trả lời kết quả



TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM  
TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN THỦ Y DABACO  
Cụm CN Khắc Niệm – TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: 0222.3717.358, Fax 0222.3717.359  
Website: www.dabaco.com.vn

Ngày nhận mẫu  
23/01/2026  
Ngày trả kết quả  
23/01/2026

DABACO LAB

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

|                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhân viên xét nghiệm: Mrs Luyến<br>Test by                                                   | Gửi kết quả đến: Bà Tổng Thị Tố Liên – Tổng Giám đốc<br>Report to                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1. Mã số mẫu: BL 260244.5<br>Lab code                                                        | 6. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần chế biến thực phẩm DABACO                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2. Loại mẫu: Mẫu thực phẩm<br>Sample                                                         | 7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong dụng cụ chuyên dụng.<br>Sample description                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3. Số lượng mẫu: 1 mẫu<br>No. sample                                                         | 8. Người nhận mẫu: Ms Nguyệt<br>Sample receiver                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4. Thông tin mẫu: Xúc Xích WICO NSX: 10.01.26 –<br>Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm DABACO | 9. Yêu cầu xét nghiệm:<br>- Mẫu thực phẩm: Xét nghiệm Vi sinh vật hiếu khí tổng số*,<br><i>E.coli</i> , <i>Salmonella sp</i> , <i>Coliform</i> , Vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> ,<br><i>Clostridium perfringens</i> , <i>Clostridium botulinum</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i> , Vi khuẩn gây bệnh khác |
| 5. Phương pháp xét nghiệm: TCVN & nuôi cấy thường<br>quy PTN.<br>Test method                 | 10. Thời gian thử nghiệm: 23/01-28/01/2026<br>Testing duration                                                                                                                                                                                                                                                     |

### KẾT QUẢ

| Tên mẫu                        | Chỉ tiêu vi sinh                       | SL mẫu | Phương pháp thử     | Kết quả (Cfu/1gr)   | Tiêu chuẩn (cfu/1gr) |
|--------------------------------|----------------------------------------|--------|---------------------|---------------------|----------------------|
| Xúc Xích WICO<br>NSX: 10.01.26 | <i>Coliforms</i> tổng số               | 01     | TCVN 6848: 2007     | < 10 CFU/ml         |                      |
|                                | <i>E.coli</i>                          |        | TCVN 7924 - 2: 2008 | < 10 CFU/ml         | <10 <sup>2</sup>     |
|                                | <i>Salmonella sp</i>                   |        | TCVN 4829: 2005     | KPH                 | Không có             |
|                                | VSV hiếu khí tổng số*                  |        | TCVN 4884 : 2015    | 5,0x10 <sup>2</sup> | <10 <sup>6</sup>     |
|                                | Vi khuẩn <i>Clostridium perfringen</i> |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |
|                                | Vi khuẩn <i>Clostridium botulinum</i>  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |
|                                | Vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i>  |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |
|                                | Vi khuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |
|                                | Vi khuẩn gây bệnh khác                 |        | Nuôi cấy thường quy | Âm tính             |                      |

#### \* Kết luận:

- Các chỉ tiêu vi sinh trong mẫu thực phẩm kiểm tra đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 8-3 :2012/BYT.

TP XÉT NGHIỆM

Phạm Thị Hoà



#### Note:

Các kết quả thử nghiệm gửi trong phiếu này chỉ có giá trị với mẫu do khách hàng gửi, mọi thông tin về kết quả XN đều được gửi hi viết, không phát tán thông tin ra ngoài.

Chỉ tiêu \* là chỉ tiêu được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025: 2017

Thời gian lưu mẫu: 07 ngày kể từ ngày trả lời kết quả

Số/ No.: VLAB0-251223-066/7

Ngày phát hành/ Issue date : 08/01/2026

Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng<sup>(1)</sup>/ Company: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DABACO**  
Địa chỉ<sup>(1)</sup>/ Address: **Nam viên, Xã Tân Chi, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **23/12/2025**  
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **23/12/2025 đến 08/01/2026**  
Tên mẫu<sup>(1)</sup>/ Sample Name: **Xúc xích wico**  
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu đựng trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.**

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS**

[Xem trang kế/See next page (s)]

**Ghi chú/ Notes:**

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.

(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

- Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
**Officer in charge of Laboratory**



**Phạm Lê Tiến Khánh**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**General Director**



**Nguyễn Quốc Toàn**

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

**Trung tâm phân tích/Testing Center:**

**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

**Cần Thơ:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

**Bạc Liêu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Bạc Liêu  
479 Cao Van Lau Street, Tran Hung Dao Ward, Bac Lieu City

**Cà Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số No.: VLABO-251223-066/7

Ngày phát hành/ Issue date : 08/01/2026  
Trang/ Page : 2/2

### Kết quả/ result

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter                                                                         | Kết quả Result | Đơn vị Unit | LOQ   | Phương pháp phân tích Test method    |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|-------|--------------------------------------|
| 1.      | Năng lượng/Calories                                                                        | 222            | Kcal/100g   | -     | FAO, Food and Nutrition P.77, 2003   |
| 2.      | Hàm lượng protein/Protein content                                                          | 12,1           | g/100g      | -     | TCVN 8134: 2009(a)                   |
| 3.      | Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content | 16,1           | g/100g      | -     | FAO, Food and Nutrition P.77, 2003   |
| 4.      | Hàm lượng Béo tổng/Total fat content                                                       | 12,1           | g/100g      | -     | TCVN 8136: 2009(a)                   |
| 5.      | Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content                                                   | 6,38           | g/100g      | -     | TCVN 4594:1988(a)                    |
| 6.      | Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content                                                   | 701            | mg/100g     | -     | VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a) |
| 7.      | Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content                                                 | KPH/ND         | mg/kg       | 0,015 | AOAC 2015.01(a)                      |
| 8.      | Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content                                                       | KPH/ND         | mg/kg       | 0,05  | AOAC 2015.01(a)                      |
| 9.      | Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content                                              | KPH/ND         | mg/kg       | 0,02  | AOAC 2015.01(a)                      |

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**  
**VietLabs Technology Joint Stock Company**  
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
60 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (+84) 283 622 1669

#### Trung tâm phân tích/Testing Center:

**Hồ Chí Minh:** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
62 Street 2, Long Trường Ward, HCM City  
**Cần Thơ:** Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ  
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Can Tho City  
**Bạc Liêu:** Số 479 Cao Văn Lầu, Phường ...  
479 Cao Van Lau Street, Vinh ...  
**Cà Mau:** Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau  
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

